

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 21 B

CHƯƠNG III: TẬP THIỀN

PHẦN CÒN LẠI TRONG PHẦN 6 CHƯƠNG III)

(chánh truyện có bảy vị, phụ có hai vị)

14/ Truyện ngài Thích Thiện Phục ở Hành Nhạc thời Tiền Đường.

15/ Truyện ngài Thích Giải Thoát trụ chùa Chiếu Quả ở Đại Châu (Phổ Minh, Tăng Minh).

16/ Truyện ngài Thích pháp Dung trụ núi Ngưu Đầu ở Nhiệm Châu.

17/ Truyện ngài Thích Huệ Phương trụ ở suối Lâm Lạc thuộc Vệ Châu.

18/ Truyện ngài Thích Pháp Hưởng trụ chùa Chánh Kiến ở Hải Lăng thuộc Dương Châu.

19/ Truyện ngài Thích Đạo Tín ở núi Song Phong thuộc Kỳ Châu.

20/ Truyện ngài Thích Tuệ Minh ở Giang Hán.

1- Truyện ngài Thích Thiện Phục ở Hành Nhạc:

Thích Thiện Phục, còn tên gọi khác là Đẳng Chiếu, họ Tương, người ở xứ Nghĩa Hưng thuộc Thường Châu. Vừa mới sinh mà đầu đã bạc, tánh Sư biết xa lạ.

Năm năm tuổi, Sư xuất gia với người anh là Pháp Sư Tài ở chùa An Quốc. Luôn mặc áo vải bố, ăn dùng rau lá, thường ngày tụng một quyển kinh, mắt xem đến bảy hàng, hễ nghe qua tai thì không quên.

Niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, Độc Thứ Sử nghe Sư thông minh nên tìm sung vào Châu để học. Nhân đó, ban ngày Sư nghe tục giảng, đêm về tư duy nghĩa lý kinh Phật. Bác sĩ quở

trách, Sư đáp: “Há chẳng nghe ư? Thực hành có sức thừa thì được xem rộng, nếu chẳng tin thì xin hỏi các vị học trước!” Bác sĩ mới thử xem, thì không một điều ngưng trệ. Bởi vì liên loại Phật giáo dùng cả hai sơ thông. Bấy giờ, Học quán đều nghiêng đầu, người ấy là ai mà được như vậy ư? Sau Sư lại trốn đi xuất gia, chỉ ưa mền Phật pháp, muốn bỏ không được. Bỗng gặp núi sông, giữ chân quên cả trở về. Đó cũng là do nhân xưa đã tu tập, chẳng phải do mới tu tập gần đây.

Sư đến chỗ Pháp sư Bích chùa Lưu Thủy ở Tô Châu, nghe học bốn kinh ba luận. Lại đến chỗ Pháp sư Mãn ở Việt Châu xem khắp các kinh giáo, thông hiểu chỗ sâu kín. Sư đến chỗ Thiên sư Siêu ở núi Thiên Thai và được chỉ bày pháp môn Tây phương Tịnh Độ quán hạnh. Nhân đó Sư đến khắp các Châu Quế, Quảng Tuân, v.v... gặp được tất cả những bậc danh tăng, thưa hỏi điều nghi, cầu xin quyết trạch. Sư lại đến các châu Kinh, Tương, Kỳ, gặp được Thiên sư Tín và được chỉ bày phương tiện nhập Đạo. Sư lại đến Lô Sơn, diện kiến Ngài Tuệ Viễn ở Tịnh Độ quán Đường. Sư lại trở về Nhuận Châu ở chỗ Thiên sư Nham và được chỉ dạy pháp Vô sinh quán.

Sau đó, Sư lại cùng hai Sa-môn Huy và Tài vào núi Tang Tử, thực hành Từ Bi Quán. Lại truyền giới Pháp cho quỷ thần, không dám ăn thịt. Thần lại giáng nhập Đồng cốt, bảo thỉnh Sư để được thọ giới, thề không ăn thịt, cơ sao vì ta mà giết hại muôn sinh? Thương xót sự ngu si của ông, nên tạm tha mạng ông, về sau nếu còn như vậy thì sẽ đánh cho đến chết!” Từ đó về sau các lúc cúng tế đều dứt bật các thứ tanh nồng. Từng có hai người ở Vụ Châu đồng chở sợi gai để bán, đến chỗ thần sông, một người dùng bông trái cúng tế, còn một người muốn giết hại sinh vật, nhưng chưa thực hành thì sợi gai đều bị ướt đẫm, còn người cúng tế bông trái trước kia sợi gai thấy đều khô ráo. Từ đó mọi người đi đường đều rất sợ không dám dùng thịt để cúng tế. Nên công đức truyền giới của Sư rất có ứng nghiệm. Người, thần đều kính ngưỡng. Nếu có ai muốn lấn lướt hủy phạm thì liền bị tai họa. Những chỗ giết bán cá thịt như các loại ngỗng vịt, gà heo ở vùng Giang Hoài đều cho chúng nó thọ giới mà phóng thả. Chợ không có những quán tiệm buôn bán những thứ ấy. Quan nhân đều lấy làm lạ. Có Nghĩa Hưng Lệnh vốn không tin, ganh ghét cho là Sư kích động dân chúng nên muốn hạch tội. Anh em của Sư bèn dứt lốt cho đó. Người ấy bỗng nhiên liền thấy leo lên nằm trên giường chõng, có đàn rắn kéo đến nã hoạn, không bao lâu bị trừ tên, đưa sang Thường Châu. Người ấy đến thầy đồng cốt bói xem. Ứng quả bảo là do tội xúc phạm đến Hiền Thánh không thể cứu được, người

ấy bèn gấp đến chỗ Sư mà cầu xin miễn khỏi.

Niên hiệu Vĩnh Huy thứ hai (651) thời Tiền Đường, Sư bị ép buộc hoàn tục, nhưng chí nguyện thích xuất tục, thấy nhà cửa thế tục như lao ngục. Sư lại đến núi ở, khổ hạnh siêng năng, người đời chẳng kham nổi sự lo buồn đó. Chúng lại nhóm họp đông nhiều, Sư vì họ giảng Pháp khen ngợi, dạy răn hành từ. Lấy sự không giết hại làm cửa lớn của Phật giáo, nếu chẳng thực hành được, thì nếu giảng lễ mà vẫn là cứ ngạo. Sư lại khuyên thực hành cúng thí sáu đường, vì các vong linh tổ Tiên chưa thoát khỏi các đường ấy. Sư lại bảo: “Núi có ngọc thì cỏ cây tươi tốt, suối có rồng thì nước chẳng hề khô. Nơi nào có Tam Bảo thì gốc lành thêm lớn”. Sư thường ở tại núi Phục Ngưu, lấy hổ báo làm đồng bạn, thí cho muối mòng cắn đốt làm hạnh riêng. Nhìn thẳng phía trước chừng sáu thước, mắt chẳng hề liếc ngó các loài. Kệ cốt yếu trong kinh, miệng đọc chẳng hề dứt tiếng. Đại khái lấy Thập Ngũ Quán Tứ Minh Luận làm chuẩn định.

Đến niên hiệu Hiển Khánh thứ năm (659) thời Tiền Đường, Sư đến Hành Nhạc, ý Sư muốn tìm cầu sự tĩnh lặng. Đồ chúng lại kéo đến nhóm họp đông nhiều. Sư giảng nói Pháp cho họ nghe đã lâu, bỗng nhiên Sư bảo: “Tất cả đều vô thường, hơi thở khó giữ gìn. Đêm sâu đều tan rã, duyên hết sẽ chia lìa!”. Khi đó, chẳng ai lường biết được câu nói ấy. Sư lại đóng cửa tĩnh tọa. Đêm đó khắp các chùa ở Hành Châu có tiếng chuông ngân vang và các thứ âm thanh kèn sáo tấu nhịp đến sáng. Các hàng tăng tục đều lấy làm lạ, đến phòng Sư thì cửa nẻo đóng kín, bèn mở ra xem thì thấy Sư ngồi thẳng thị tịch đã lâu, bèn cùng nhau tấu trình.

2- Truyện ngài Thích Giải Thoát trụ chùa Chiếu Quả ở Đại Châu:

Thích Giải Thoát, họ Hình, người ở xứ Giáp Xuyên thuộc Đài Sơn. Năm bảy tuổi Sư xuất gia nương tựa các bậc danh tượng, chí nguyện xuất đạo, chí tại thiền tư. Sư đi khắp xa gần thừa hỏi Phật Pháp, không vị thầy nào mà Sư chẳng đến.

Sau, Sư lại đến chùa Chiếu Quả ở huyện Ngũ Đài, ẩn cư tại chùa Phật Quang, thuộc phía Nam Ngũ Đài hơn bốn mươi năm. Nay hiện còn hơn mười ngôi nhà cũ tại đó. Hình dáng núi như ánh sáng Phật, sắc thái rất rực rỡ. Đến mùa Hạ, ánh mặt trời phát ra ánh sáng làm lóa cả mắt người. Bên cạnh đó không xa có núi Thanh lương, phía dưới núi Thanh lương là chỗ thường lui tới của Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi. Có Sa-môn Diệu

là bậc cao hạnh, đã một trăm linh sáu tuổi tự bảo rằng: “Lúc tôi năm mươi tuổi cùng Giải Thoát thượng nhân đến chùa Linh Thứu ở Đại Phu cách ba mươi dặm về phía Đông nam của Ngũ Đài, cầu xin được diện kiến Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi. Đến phía Bắc của Vương Hoa, gặp một vị Đại đức, hình dáng từ hòa cao xa, từ từ đi về hướng Đông, Sư (Giải Thoát) đánh lễ phát nguyện. Còn tôi lúc bấy giờ tinh thần mừng vui không rảnh để thưa hỏi. Ngài Giải Thoát bảo là đã ba lần được diện kiến Bồ-tát Văn-thù Sư-Lợi, và được dạy rằng: “Ông tự hối trách, nếu thiết tha chí thành, thì sẽ ngộ Đạo.” Sư bèn tự trách lỗi lầm, ngày đêm khắc niệm, tâm liền an tĩnh. Lại cảm được Chư Phật hiện thân giảng nói kệ tụng cho nghe như sau:

*“Pháp vắng lặng sâu xa của Phật
Trải nhiều kiếp tu nay mới được
Nếu mở Pháp tỏ sáng ấy
Tất cả Chư Phật đều tùy hỷ!”*

Nhân đó bèn hỏi: “Thế nào là vắng lặng diệt? Và làm sao khiến mọi người hiểu được?” Chư Phật liền biến mất, trong hư không có tiếng nói rằng: “Trí phương tiện là đèn sáng, soi chiếu thấy được cảnh giới của tâm. Nếu muốn nghiên cứu Pháp chân thật thì tất cả đều vô sở thấy!”. Sư bèn y theo pháp đó mà giáo hóa dắt dẫn những người có duyên. Học chúng ở núi qua lại khoảng bảy tám trăm người. Khắp bốn phương đều tôn kính Đạo phong của Sư, cấp giúp mở mang. Hơn bốn mươi năm, Sư thường ở tại chùa Phật Quang. Sư thị tịch vào khoảng niên hiệu Vĩnh Huy (650 - 656) thời Tiền Đường. Đến nay nhục thân Sư vẫn hiện còn trang nghiêm như ngồi thiền trong hang núi.

Lại nữa, cách khoảng năm, sáu dặm về phía Nam chùa Sa-bà ở phía Nam núi Ngũ Đài, có Thiền Sư Phổ Minh riêng tĩnh tọa hành thiền, cầu thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, trong ý muốn thưa hỏi giáo pháp. Có vị thần ở giữa hư không bảo rằng: “Ông không có Thần tập, chỉ có thể sống lâu, nên đến trước khám lấy thuốc mà uống, thì có thể kéo dài thọ mạng.” Sư ôm hoài mối nghi chưa quyết định. Sau, lại có tiếng bảo rằng: “Thuốc tên là Trường Tùng, vì sao ông không chịu uống? Thuốc ấy không độc hại!”. Sư bèn y theo lời bảo mà uống. Lại bảo với chư tăng đồng hành rồi, liền vọt lên giữa hư không mà bay đi. Chỗ ấy nay vẫn hiện còn, cách Hằng Nhạc, mắt chăm chú nhìn tương tục.

Lại có Thiền sư Tăng Minh trụ chùa Kiến Quốc ở Tú Dung thuộc Hàn Châu, thường đến Định Tương ở núi Vọng nhân, ngồi thiền ăn bánh thuốc, tuổi gần tám mươi. các hàng tăng tục đều tôn kính, chẳng

biết chí nguyện Sư nhập pháp gì mà rất ngợi khen Sư là người không thể suy nghĩ bàn luận! Ở núi đó có suối Linh, vết tích trên đá vẫn hiện còn. Người đến mong cầu Phước rất nhiều. Vào niên hiệu Vĩnh Huy (650 - 656) thời Tiền Đường, có một người không có mắt, chẳng biết từ đâu đến, gõ đàn mà trì tụng một bộ Kinh Pháp Hoa, xoay mặt hướng về núi Vọng nhân, tay vừa đánh đàn, miệng vừa đọc tụng, lấy làm tự vui ở núi ấy. Cũng không thể lường biết được việc đó.

3- Truyện ngài Thích Pháp Dung ở núi Ngưu Đầu thuộc Nhuận Châu:

Thích Pháp Dung, họ Vi, người ở xứ Diên Lăng thuộc Nhuận Châu. Năm mười ba tuổi, với các thứ Hàn Lâm Bí điển, ngài tham cứu tìm cầu sắp hết, mà dáng dấp tư chất của Sư cao nhã hùng vĩ. Có một lúc, Sư bùi ngùi than rằng: “Nho Đạo vẫn tục, tin tưởng đồng như vỏ trấu lúa lép, Bát-nhã, Chỉ Quán mới thật đáng là thuyền bè!” Sư bèn đến Mao Sơn, nương tựa Pháp Sư Quỳnh, cầu xin xuất gia, chuyên thưa hỏi Đạo. Pháp sư Quỳnh là người có tiếng tăm vang khắp Giang Hải. Đức dụ như Thần. Với diệu lý chân thuyên, Sư không hề sót ẩn. Sư bèn để tâm chước rớt, tình có chỗ duyên, cho là Tuệ Phát loạn tung, định mở tâm phủ, như chẳng ngưng tưởng, vọng lự khó dứt. Sư mới ngưng tâm an tĩnh, lặng yên ở rừng không tĩnh, trong hai mươi năm chuyên tinh chẳng biếng trễ, bèn khéo vào sâu Diệu Môn một trăm lẻ tám pháp Tổng Trì, lạc thuyết không cùng tận mở lời ba một như thác tuôn không cùng.

Niên hiệu Trinh Quán thứ mười bảy (643) thời Tiền Đường, Sư đến chùa U Thê tại núi Ngưu Đầu, xuống đỉnh núi riêng lập thiền thất bằng cỏ tranh, ngày đêm tư duy, chẳng bỏ qua tác bóng. Chỉ trong vài năm, đồ chúng Tức Tâm nhóm họp có hơn trăm người. Mới đầu dựng lập thiền thất, bốn phía vách tường chưa hoàn tất, Sư có các đệ tử như Đạo Kỳ, Đạo Bằng đang trụ trong nhiếp niệm, ban đêm có một con thú hình dạng như con dê đi vào, cất tiếng kêu vang, nhảy đạp lên hai người, thấy họ không nhiều loạn, nên nó bèn ra ngoài sân rồi dáo dác bỏ đi. Tại núi đó có một thạch thất sâu khoảng mười bộ, Sư vào tĩnh tọa trong đó, bỗng có một con rắn thân dài hơn một trượng, mắt sáng như sao lửa, ngẩng đầu ra oai, đến nơi cửa thất qua một đêm, thấy Sư không cử động, nó bèn bỏ đi. Nhân đó, Sư ở qua trăm ngày. Núi đó, vốn có nhiều hổ thường hại mạng người lượm củ hái cỏ. Từ khi Sư vào ở về sau, mọi người qua lại không bị hại gì. Sư lại cảm có đàn nai đến nương tựa quanh thất nằm nghe giảng pháp, không tỏ vẻ khiếp sợ. Có hai con

nai lớn đi thẳng vào trong chúng tăng nghe pháp suốt ba năm mới bỏ đi. Nên căn lực từ thiện khiến cho cầm thú lại quen thuần, đến nỗi nhóm họp trên tay Sư mà lấy thức ăn, đều không sợ hãi. Tại chỗ Sư ở, Trai đường nhà trù nền sâu đến hang lớn, còn như lấy nước không thể trở lại thêm cấp. Sư thường bồi hồi chỉ về phía Đông lãnh, bảo rằng: “Xưa kia, Ngài Tuệ Viễn chống tích thì đất nứt suối vọt lên, sắp sửa mả thì giếng khô trở lại tràn đầy nước. Tâm thành cảm ra như thế. Há là lời luống dối ư! Nếu nơi này là chỗ ở được, thì đáng lẽ phải có suối trong mát tự tràn!” Qua đêm, bỗng nhiên từ Đông lãnh vọt lên một dòng suối trong vắt ngon ngọt, mùa đông thì ấm, mùa Hạ thì mát lạnh, đã khơi dẫn lên đánh núi, đến phủ qua hiên, nước ấy một đấu nhẹ hơn gần một nửa.

Đến tháng mười một Trinh Quán thứ hai mươi mốt (647) thời Tiền Đường, Sư ở dưới hang núi giảng Kinh Pháp Hoa. Khi ấy, tuyết trắng phủ đầy thêm, dòng pháp vẫn không dứt. Ở trong băng tuyết lạnh có được hai cành hoa, hình dáng như hoa sen, sáng đẹp đồng như màu của vàng, trải qua bảy ngày bỗng nhiên biến mất. Đại chúng đều khen ngợi kính ngưỡng. Đến niên hiệu Vĩnh Huy thứ ba (652) thời Tiền Đường, Ấp tế thỉnh Sư ra trụ chùa Kiến Sơ, giảng Kinh Đại Phẩm, Tăng chúng có hơn ngàn người. Giảng đến phẩm “Diệt Trách”, Sư mới sử dụng biệt tài, bàn bạc nghĩa lý. Bỗng nhiên mặt đất rung chuyển dữ dội, thỉnh chúng kinh hãi, chuông, khánh, hương, giường thầy đều lay động. Các hàng tăng tục ở bên ngoài vẫn an nhiên không hay biết.

Đến niên hiệu Hiển Khánh thứ nhất (656) thời Tiền Đường, Tư Công Tiêu Nguyên Thiện đôi ba phen đến thỉnh Sư ra trụ chùa Kiến Sơ. Sư bảo với chư tăng rằng: “Từ nay một lần đi không kỳ hẹn trở lại. Đạo lý lia hợp là quy luật thường tình!”. Sư cố chối từ mà không được bèn mới ra cửa núi, chim thú kêu buồn hơn cả tháng mới dứt. Các khe suối ao hồ ở núi đá lăn cát trào, đồng một lúc mà khô lấp bằng. Trước phòng Sư có bốn cây ngô đồng lớn đang giữa tháng năm tươi tốt mà bỗng chốc điêu tàn. Đến ngày hai mươi ba tháng giêng nhuận niên hiệu Hiển Khánh thứ hai (657) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Kiến Sơ, thọ sáu mươi bốn tuổi. Các hàng tăng tục buồn thương luyến mến, quan liêu quanh quần nhóm kết. Qua ngày hai mươi bảy thì an táng tại núi Khê Lung. Lọng phướn kèn sáo nổi vang như mây nhóm, vang khắp cả đồng hoang. Người đến tiễn đưa có hơn cả vạn.

Người viết truyện (Đạo Tuyên) lại được nghe việc đó, nên lại ghi chép thêm. Mới đầu giòng họ Sư có đến năm trăm người, là gia đình cao quý ở Diên Lăng, vì kết hôn cho Sư, Sư bèn lánh đến ẩn tại Mao Sơn.

Pháp sư Quỳnh là bậc tông tượng của Tam luận, nên Sư bèn nương chí ở đó mà tu học, sau Sư lại đi về phía Nam Đan Dương, trụ chùa Phật Quật ở núi Ngưu Đầu. Hiện có hang Bích-chi-Phật, nhân lấy đó làm tên gọi. Ở đó có hình vẽ bảy tạng kinh:

- 1/ Kinh Phật
- 2/ Sách Đạo
- 3/ Kinh Sử Phật
- 4/ Kinh Sử Thế Tục
- 5/ Đồ Phù về y phương.

Xưa kia, vào đầu đời Tống. Có Lưu Tư Không xây chùa, nhà ông ta rất giàu có, dùng để ghi chép đều đặt ở chùa núi, truyền nhau gìn giữ. Đến mùa Hạ niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, bị hạn hán nạn lửa thiêu cháy kéo dài rộng đến năm mươi dặm, hơn hai mươi ngôi chùa và bảy tạng ấy đồng biến thành tro bụi. Than ôi! Hồi lục mọi sự lập chướng. Các hàng tăng tục đều xót xa, ôm hoài thương tiếc. Mới đầu Sư ở chùa U Thê cách hang Phật mười lăm dặm, y theo việc tìm xét, gặp được Pháp sư Tạng Hiển đang giữ lại. Qua nhiều ngày đêm thưa hỏi rất lâu mới được cho phép. Pháp sư Tạng Hiển mới hỏi về sở học của Sư và xem xét tài thuật, bèn gửi thư đạt tình, mới mở tạng cấp cho. Sư liền tìm kiếm đọc trong ngoài, chẳng kể ngày đêm. Nhân trải qua tám năm, sao chép mới xong bèn về lại ẩn cư tại chùa U Thê, đóng cửa tự nhàn tĩnh. Phòng nhà trống rỗng, chỉ có một tòa ngồi, ngoài ra, cây cỏ mọc lan tràn, rong rêu đóng đầy cả giường, bụi bám chông chát đến mấy tấc. Mùa Đông chẳng dùng thêm bông tơ, mùa Hạ chẳng tìm mát dịu. Chỉ có chiếu cỏ Tư vi, dùng xong hình hữu, mà nói lời bao gồm dồi dào văn vẻ, thêu dệt thi thố. Phút chốc bèn dẫn dùng nối nhau như chuỗi ngọc. Không gì chẳng dùng cung thương để đối đáp, bao trùm cả Huyền Nho.

Ban đầu Sư ra trụ chùa U Thê, giảng Kinh Đại Tập, ngôn từ rộng xa, các hàng tăng tục đều vui mừng. Vào niên hiệu Vĩnh Huy (650 - 656) thời Tiền Đường, có Giang Ninh lệnh Lý Tu Bản, là con của Hữu Bộc Xạ Tĩnh, khi còn sống đã biết kính tin chí Đạo, khâm phục đức lớn của Sư, nên cùng các hàng Sĩ tục đi bộ đến chùa U Thê thỉnh Sư ra châu giảng pháp. Sư không hứa. Qua lại đến ba lần Sư mới chấp nhận. Các hàng tuổi cao chưa bằng lòng, sau khi bàn bạc, mới lên đầu tòa, Sư sáng rõ hơn các bậc tài giỏi trước, đối đáp như mây mưa, viết chép tợ nước trút. Mọi người đều bảo là được nghe điều chưa từng nghe. Có thể gọi là người Trung hưng Đại Pháp! Các hàng thánh chúng tăng tục

có hơn ba ngàn người. Sư giảng giải Kinh Đại Tập. Bấy giờ gọi là Vinh quán. Từ đó về sau, nường theo sự cao nhã ấy mà nghe bánh xe pháp quay nối nhau. Khắp thôn ấp đồng trống cùng nhau kéo đến sân đông chật. Bấy giờ, có những người tu trước mang chí khí trông mong ngày nường mày trừng mắt, bỗng nghe cao giá, kinh hoàng mà cúi vâng. Lại có người đến chỗ pháp tòa xướng lời quả trách. Sư lấy cơ đức mình mỏng ít mà chối từ, bất chợt có người tùy hỏi thì giải đáp. Nhưng Sư còn khiêm nhường vỗ về bảo với đại chúng rằng: “Xưa kia, đức Như Lai giảng pháp, lý ấy vẫn hiện còn, người tuy có Phàm Thánh khác nhau, mà nghĩa lý thì không hai chuẩn mực. Cơ sao đồng một lúc, đồng một chỗ ngồi mà chúng thọ thân nhiều như cát bụi. Nay tuy khai mở diễn bày, nhưng tâm khách lãnh ngộ lại giảm. Há chẳng phải thực hành đúng như lời nói, tâm không hệ lụy bởi tám gió, đúng như lời nói mà thực hành thì tâm có dứt trừ ba độc ư? Nếu chẳng như vậy thì làm sao có thể tự nhỏ? Người nghe nên vỗ tâm suy lường đến bờ mé cùng cực!”! Nên khiến thính chúng lắng nghe hiểu hình tình tủy.

Niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, Phụ Công Thác vượt qua Giang biển chẳng theo Vương chinh. Vương Sư xâm chiếm Ngô Việt mở mang trong sạch. Tăng chúng có đến năm ngàn vị vẫn an nhiên như tường vách. Tả Bộc Xạ Phòng Huyền Linh tấu xưng vào giặc, Tăng Ni ở các Châu rất rộng, có thể y cứ theo cách xưa của Quan Đông, mỗi châu riêng một chùa thiết đặt ba mươi người, ngoài ra đều đưa về biên hộ. Sư không nhẫn nổi sự uổng khốc ấy, bèn vào kinh đô trình bày sự lý. Ngự sử Vu Dĩnh đọc xem hết các Biểu từ, Văn lý cao sâu rõ ràng, văn từ thể dồi dào. Hơn một trăm ngày Vi Đỉnh bèn đến đình chỉ. Phòng Huyền Linh kính phục cao xa, vẫn cố chấp sự mê lầm trước, nói với Sư rằng: “Chẳng phải cho là sự lý không gì chẳng từng trải qua tự tấu trình. Đâu nhọc mang Pháp y xuất tục, e rằng có thể trái Đạo Tân Vương. Ngồi vị ngũ phẩm như cúi xuống nhật vật rơi. Hơn bốn ngàn vị tăng chưa nhọc nói đến”. Đích xác là Sư chẳng cứu giúp. Sư biết vận mạng có đến lúc cùng, bèn về lại Bản ấp. Sau mới hóa độ, lại hết lòng mở mang, tan thân làm gốc, lược nêu một vài chứng cứ để chỉ bày hóa tích.

Trong niên hiệu Vĩnh Huy (650 - 656) thời Tiền Đường, tại Mục Châu có yêu nữ Trần Thạc Chân, dùng tà thuật mê hoặc người gạt gẫm, lừa dối kẻ lương thiện. Chư tăng khắp bốn phương xa đều nhóm họp về Kiến nghiệp. Châu tìm huyện xét, không một nơi rước mời. Bấy giờ, Sư đang ở tại thất U nham, chư tăng trong chùa nghèo khổ cùng đóai hoài,

không nơi nương cậy. Càng ngày càng đến nhiều số hơn ba trăm vị. bạn cũ sắp tan, người mới không nơi nương tựa, tuy muốn quy đầu, mà tính không chỗ đến. Quan huyện xuống trách, chẳng hứa đình liệu. Sư bèn bảo rằng: “Các Bạn Đạo cùng đến đây, không kể mới cũ, chùa núi tiêu điều tự đủ để nương nhờ. Hữu Vô sẽ mất, chớ ngại sự ràng buộc chia ly, mong biết chỗ trở về mà biết đến nơi nào? Đều nên an nhiên hàng phục nghiệp, họa phước là đồng. Vì sao như vậy? Vì đều là xả tục xuất gia, xa mong cầu chánh pháp. Nghiệp mạng là tất nhiên đâu thể trốn lánh? Gần thì năm thứ giặc thường đuổi theo, xa thì ba thứ lao ngục thường trói buộc. Tâm không lia mê đảo, đâu được vụn vặt đường công có tâm mê đắm. Đều tùy theo bốn chí, không được xa rừng sâu!”. Sư vì tăng chúng cung cấp riêng cần có từng ngày, đích thân Sư đi khắp Đơn dương báo với các hàng sĩ tục. Người nghe cắt giảm, chẳng còn mong cầu. Báo lực Sư mạnh yếu chẳng từ chối vác mang. Có hơn trăm ngày mọi sự mới yên tĩnh. Chúng Tăng ở núi diêm nhiên, không có lý do để tan rã. Bấy giờ, hạn cục tình ít thấy, bị Quan xét trách, đích thân bóc lột bọn yêu đồ không thể chịu được. Có kẻ không thể nhẫn chịu, hoặc tự thắt cổ chết. Nhưng Sư lập chí vẫn diêm nhiên, chẳng giẫm vào phong trần, khách chủ cùng đoái hoài, hài hòa như cầm sắt, bèn được cởi mở, lý thông tình hợp. Há chẳng phải mạng thay thế khai sĩ, khó ủng hộ biết người. Cây lạnh tro tàn ánh ngời hiện ra. Thật là người ấy.

Bấy giờ, có Pháp sư Tuyên ở chùa Cao Tọa, là bậc danh đức đời Trần, lúc ấy đã ngoài tám mươi tuổi, là bậc cao Tăng ở Kim Lăng, mọi pháp sự Phó Chúc, khai ngộ cho đương thời. Ngài (Pháp Dung) lúc đó đang ở chùa U Thê, nghe Đạo phong mà tìm đến, đem điều nghi ngờ nghĩa lý thắc mắc mà hỏi Pháp sư Tuyên rằng: “Trong kinh nói rõ Phật nói Pháp buông lời người thọ nhận khai ngộ Vô Sinh. Trong luận phân biệt Danh Cú văn tướng mà không nói lợi ích. Pháp sư được Phật di ký (dặn dò gởi gắm) mở mang, xoay chuyển bánh xe chánh pháp. Như bọn Pháp Dung chúng tôi đây chưa nghe dứt hoặc, bị căn cơ khí độ che lấp, vì là Đào luyện khai hóa người vô duyên. Tối sáng chóng vội, càng thêm kính ngưỡng. Đều mong mở vạch cuộn thắt, phục chỉ tuân vâng!” Pháp sư Tuyên ngưng im lặng giây lát, bùi ngùi bảo rằng: “Trước kia vào đời Trần, tôi chưa tới tuổi hai mươi, có Thiền sư Thôi là người rất được các bậc Vương Thần quy kính. Ngài lên pháp tòa mà nêu dẫn cũng đồng như ông ngày nay, tôi là hạng người nào mà dám đảm đang Di ký!” Bèn ngay đó mà tan, ngài (Pháp Dung) trở về chùa Kiến Sơ, ngầm kết đồng bạn. Pháp sư Tuyên mến trọng chí đạo của Sư, bèn chống gậy

đến tìm. Khi đã đến chùa Kiến Sơ, ở đó có Thiền sư Đức Thiện là bậc xứng danh, vui mừng trông thấy Pháp Sư Tuyên từ xa đến nên thích thú nói bàn vui vẻ. Thiền sư Đức Thiện và ngài (Pháp Dung) đồng ở chùa chưa bao lâu. Pháp sư Tuyên bảo: “Tôi vì Sa-môn Pháp Dung mà đến”. Bỗng nhẹ Đông lỗ, bèn mời Sư mà hỏi, khiến tiếp nối huyền trí, liền ngay tòa dẫn nêu, văn lý đều nêu lên, hơn ba trăm lời đối đáp qua lại không văn hoa chải chuốt. Khi đó, hai vị thám vịnh đầy lòng, bèn ở tại chùa thiết lập trai giảng. Nhưng ngài nghi biểu lại khác, tướng vượt người thường, đánh đầu to lớn, ngũ nhạc nổi rõ, mày mắt dài rộng, vầng trán cao rộng, bước đi như rùa, trông nhìn như Hạc, hơi tiếng sâu xa như từ đất tuôn xuất. Đứng tuy ngang bằng người thường mà ngồi thì cao trội giữa chúng. Vận mặc đơn sơ đủ để che kín thân mình, khủy tay rất dài. Từng có người mang vật đến dâng tặng, Sư bèn trả lại. Tâm Sư nhu nhuyễn, luôn nghĩ nhớ từ bi. Đối với người trẻ hay người già, Sư đều cung kính như nhau. Nhiều lần bị xem thường xúc não mà tâm Sư quên tỳ vết chẳng đoái hoài. Có lần có một người bạn nghe người hờn giận riêng tư dùng lời phỉ báng về, Sư bèn dùng những từ phi loại mà chê trách, vừa mới đến núi nói điều đó, Sư bảo: “Đối với mọi sự rao truyền đều là hơi gió, vừa mới tuôn ra khỏi miệng liền mất, không thể truy tìm. Sao lại mang sự bàn luận luống dối ấy từ xa đến nơi núi chằm nầy làm gì? Vô trụ là Bổn nguyện chẳng liên can tới tâm!” Nên Sư an nhẫn dao kiếm tình linh đến như thế! Hoặc có người lên tòa nhục mạ, đối trước chúng mà phỉ báng phá hoại, mọi việc đối với Sư đều đồng như gió đi, không nghĩ duyên theo, dung mạo Sư càng sáng đẹp, càng gặp bội vui vẻ. Vậy đủ biết kẻ chê trách lại lộ bày vụng về, mà càng làm sáng ngời đức hạnh của Sư.

Người viết truyện (Đạo Tuyên) lại nghe rằng: Xưa kia, Đức Như Lai nói Pháp giáo hóa, có kẻ đến phỉ báng, hoặc giết thân mạng người rồi đem đến mà chê trách, hoặc buộc thắt bên nước để sinh dèm pha, diệt trong vết tích để chết loại trùng, nói trái ngược khinh thường Đại Thánh, đồng bọn như thế có rất nhiều nhưng Đức Phật duỗi lòng thương mà ẩn giấu, nhận chịu sự chê trách phỉ báng ấy. Mãi đến về sau lỗi lầm ấy tự lộ bày. Hoặc có kẻ đang còn sống mà đã bị đất rút, hoặc có người chết đọa vào địa ngục, bị trời, người cùng xem thường, U hiển vì đó mà buồn thương, nhưng ánh sáng của Đức Như Lai càng hiển lộ, đức của vàng càng sáng chói, để lại khuôn phép để chỉ bày cho tương lai, ban trái giáo pháp khắp cùng nơi đất liền biển cả.

Ngài Pháp Dung trong hai mươi năm, xem đọc khắp các kinh sách,

kính ngưỡng oai dung của bậc Chánh Giác, cúi ngược tiếng vang, nói phong hạnh của Đà-na, xét an bảy chỗ xúc chạm, có ý tưởng chỉ trong sát-na, thấu đạt không ngừng của bốn tuyến. Thấu rõ được thời cơ, tin sự lẫn lộn của năm thứ cận đực. Xem xét chỉ yếu ấy, hãy một lần quán xét đó đều là Pháp Dung, Pháp Dung thật là Pháp Dung đó. Lời nói ấy thật là đạt.

4- Truyện ngài Thích Huệ Phương ở suối Lâm Lạc thuộc Vệ Châu:

Thích Huệ Phương, họ Triệu, người xứ Lai Cường ở Tín Đô thuộc Ký Châu. Khoảng bảy, tám tuổi, Sư đã có tư tưởng muốn thoát tục. Năm chín tuổi, Sư đến trụ chùa Lâm Lạc ở Tô Môn, ở yên lặng chí. Chúng bạn lấy làm lạ về sự đặc biệt cao vời của Sư bèn đem chín thứ lớp mười tưởng trao cho Sư, Sư hễ nghe được gì đều nhiếp niệm và thọ pháp đó, trải qua thời gian, đến khi Hiến Hậu của Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) nhà Tùy qua đời, xây chùa ở phía Tây kinh đô. Xa đề cử Sư đến ở, cúng dường hậu lễ, nhưng chí khí cao nhã của Sư chẳng đấm trước, ý tưởng luôn gắn liền với núi rừng. Tuy gặp tượng đá mà không duyên vận được cân. Thiền Đồi nơi xưa có tâm ngóng hạc.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ sáu (610) đời Tùy, Sư già từ về lại chùa gốc. Người học nhóm kết rất đông thưa hỏi Đạo như núi. Cuối đời Tùy không được yên tĩnh, nên từ núi hang gò đồi Sư luôn dời chỗ, mãi đến trụ chùa Long Thiện ở quận Cấp. Đến lúc thời vận nhà Tiền Đường trị vì, trong nước vô sự, Sư lại cùng môn nhân tiếp nối sửa sang chỗ cũ, bèn khiến cửa thông, rường đá, hang đá, cửa gió đều được tạo dựng mới mẻ. Sư từng ở dưới hàng hiên bàn nói pháp đề cập đến sâu mầu, có vị Sa-di phủ phục dưới tầng cấp, ân thâm lắng nghe. Bỗng nhiên giữa hư không có tiếng bảo rằng: “Sao để Sa-di ở đó nằm phục lắng nghe!” Vị Sa-di ấy kinh sợ đứng dậy, lại bị đánh ngất đi, đến sáng mới tỉnh. Sư có những sự cảm ứng điềm lành đại loại như thế.

Đến tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi mốt (647) đời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chỗ đang ở, thọ chín mươi ba tuổi. Mới đầu, lúc Sư chưa tịch, bỗng nhiên có mùi thơm lạ lan tỏa quanh thất, xông ngát ba ngày, đại chúng không ai lường biết được điều gì. Đến lúc Sư thị tịch thì mùi hương ấy biến mất. qua ngày mười bảy tháng đó đón rước đến an táng tại phía Nam Viên Cương, cách mười dặm về phía bắc của Châu.

5- *Truyện ngài Thích Pháp Hưởng trụ chùa Chánh Kiến ở Hải Lục:*

Thích Pháp Hưởng, họ Lý, người xứ Cát Vãng ở Hải Lạc thuộc Dương Châu. Thân hình Sư cao tám thước, dáng mạo khôi ngô, khuôn mặt đẹp lạ. Sư lập tánh oai nghiêm, nói năng chẳng dối. Dưới chân có chấm đen tròn sạch rõ ràng. Có thầy tướng bảo rằng: “Lớn lên sẽ làm quân tướng và có tiếng tăm trong thiên hạ!”.

Năm mười sáu tuổi, Sư già từ cha mẹ đi xuất gia, liền chuyên sự tinh cầu khổ tiết, vượt trội khác hẳn mọi người. Hàng nữ giới đến tham lễ, Sư chẳng hề nói năng với họ. Giới hạnh thanh tịnh, Sư tụng thuộc bộ Kinh Pháp Hoa. Tại chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn có Thiền sư Cung là bậc trụ Pháp Hậu hiền, mọi người đều quy kính. Nương thừa danh tiếng nên mời Sư đến ở bên cạnh chùa xây dựng Pháp Hoa Đường, hành trì Pháp Hoa sám pháp của Đại Sư Trí giả. Sư bèn y theo pháp ấy hành trì, suốt hai mươi một ngày chuyên chú, bèn đạt được điềm lành. Sư tự biết đó mà chẳng nói. Đến lúc Thiền sư Cung đã vào kinh đô, Sư bèn trở về lại Giang Bắc. Ở hai huyện Hải Lục và Ninh Hải, thường thỉnh Sư đến cúng dường.

Khoảng cuối đời Tùy, có Sa-môn Trí Thiện trụ chùa Đại Ninh ở Hải Lục mở phòng thỉnh Sư đến ở. Ở trong đó Sư tĩnh tọa, giữa ban ngày, Sư đang nằm, bỗng nhiên kinh hãi ngồi dậy và bảo: “Lửa cháy”. Ngài Trí Thiện ra ngoài xem khắp bốn phía nhưng chẳng hề thấy gì. Sư bảo: “Tôi bị bệnh tai hay sao mà vọng nghe vậy ư?” Qua ngày hôm sau, Sư nằm ban ngày cũng kinh hãi ngồi dậy, như thế đến ba lần, Sư bèn theo hướng đông về lại Ninh Hải. Sau khi Sư đi, Lý Tử thông đồng với giặc phá huyện, đốt chùa, đúng như điều Sư báo. Trùng lớn sát hại, mỗi ngày có đến mấy mươi người. Sư bèn thiết lễ cầu nguyện tiêu trừ tai ương, lập trai hội lớn, bỗng nhiên có một con hổ vào pháp đường vồ bắt một người đem đi. Sư đuổi theo sau nó, gọi bảo: “Dừng lại, sao vội vàng như thế? Nay vì Đàn việt thiết trai, nên thả người ấy ra!” Hổ liền y theo lời thả ra. Và các con hổ khác nhóm họp lại rất nhiều, Sư dùng gậy gõ vào đầu hổ và nói pháp cho nó nghe. Từ đó, nó lần lượt đi xa.

Sư lại muốn đến núi Thiên Thai tìm dấu vết xưa của Đại sư Trí Giả. Sư bảo với đệ tử rằng: “Tôi muốn đến núi Thiên Thai mà chẳng được, trong một núi ở Giang Nam đi về hướng Tây Bắc thấy có một ngôi thành!”. Tới lúc Sư qua sông đến huyện Giang Âm, các hàng tăng tục lưu luyến, nên xây dựng chùa tại núi ở phía Đông nam của huyện, đề hiệu là chùa Định Sơn. Sư dừng ở qua một thời gian. Sau đó, trong

thiên hạ dần tạm an, Sư lại trở về Lam Đình thuộc Hải Lục. Trăm họ đều cố giữ Sư ở lại đó. Có núi Tiểu Cô là khoảnh đất lồi hơn trăm nhận, bốn phía không có cỏ cây, bèn xây dựng chùa ở phía trước, đề hiệu là chùa Chánh Kiến. Sư dừng ở đó.

Đến đầu mùa Đông niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường, Sư bảo với môn nhân rằng: “Nay tôi già biệt các ông, gần đây nằm mộng tướng Ác chẳng khởi!”. Và Sư bèn nằm suốt hai mươi ngày, bỗng nhiên ngồi dậy đòi nước nóng, tắm gội, cạo tóc. Từ sáng giờ Thìn mãi đến chiều giờ Dậu, Sư ngồi xoay mặt về hướng Tây mà thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi. Lúc sắp thị tịch, Sư bảo đệ tử rằng: “Ta nguyện đem thân này thí cho các loài chim thú, nhưng ở đây không có rừng cây, nếu các loài chim thú ăn không hết thì sẽ làm dơ bẩn tai mắt mọi người, nên hãy đem chôn ở phía Tây Nam núi!” Về sau, y theo lời Sư dặn đưa đi chôn, đào bới đất, bèn gặp một tảng đá lớn. Lại thử đào bới thêm thì có một lỗ hổng sâu trên đá vừa chỗ chứa thân hình, nhân đó mà tôn trí nhục thân Sư vào đó và xây tháp lên phía trên.

Lúc bình sinh, thường ngày Sư đến chỗ vắng Đà Lâm, thuần phục các loài thú dữ. Tâm luôn quán tưởng Tây Phương, miệng xưng niệm “Nam-mô Phật!” mà chẳng nói pháp nhiều, Sư chỉ tùy duyên nói một vài câu. Khi có điềm tai ương thì Sư báo cho biết để trốn lánh, nương vào những điều thấy trong giấc mộng. Niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường, có người ở Thường Châu đi đến U Châu, gặp một cô gái hỏi thăm: “Thiền sư Pháp Hưởng ở Hải Lục có được mạnh khỏe chăng?” Lại hỏi: “Có biết ư?” Đáp: “Không biết!” Cô gái ấy lấy vải bố tơ lụa làm khăn trùm đầu gửi cúng dường Sư, người ấy mắc phải tai họa nên trải qua cả năm mà chưa đến. Ngài dự biết đó và thường than thở “Sao chẳng đến ư?” Người đến Giang Âm gửi khăn trùm đầu cho người Hải Lục sắp đến chỗ ấy. Sư bèn bảo đệ tử ra đợi đón. Vừa đến cửa thì gặp nhau đem khăn đến trao lại. Sư có được khăn, cầm nắm ngẫm nghĩ giây lâu, bàn tính xé ra giao cho đệ tử, mỗi người được một miếng, có người không được. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, khắp trong nước đều đại khát do Nghĩa Ninh riêng độ, ai không ra thì sẽ bị chém. Nghe vậy, mọi người đều sợ, các vị được khảm trùm đầu đến y theo mà hoàn tục, còn người không được, hiện nay đang xuất gia. Năm đó, Tuyết phủ sâu đến mấy thước, Sư bảo với đệ tử rằng: “Tôi cần rau mới!” Đệ tử thưa: “Tuyết phủ sâu nên chẳng có được!” Sư bảo: “Lên núi tìm sẽ có”. Đệ tử y theo lời Sư, lên núi cách chừng vài dặm đến dưới một gốc cây đều là rau xanh, bèn hái đem về,

Sư dự biết mọi việc, đại loại đều như vậy.

6- Truyện ngài Thích Đạo Tín trụ núi Song Phong ở Kỳ Châu:

Thích Đạo Tín, họ Tư Mã, chẳng biết Sư là người xứ nào. Lúc bảy tuổi, Sư đã trải qua thờ phụng một vị thầy nhưng giới hạnh không thuần, ngài thường tỏ bày can ngăn. Vì chẳng thấy theo, nên Sư âm thầm giữ trai kiem trải qua năm năm mà thầy Sư không biết. Sau đó, có hai vị tăng chẳng biết từ đâu đến, vào núi Hoàn Công ở Thư Châu, tinh tu thiền định, Sư nghe thế bèn tìm đến và được trao truyền giáo pháp. Sư nương theo cầu học suốt mười năm. Đến lúc hai vị thầy ấy đi đến La Phù, chẳng cho Sư đi theo, bảo hãy ở lại đây về sau sẽ mở mang lợi ích lớn.

Đến lúc đất nước tìm kiếm người hiền lương, cho phép xuất gia, Sư nhân đó, được gá danh ở chùa Cát Châu. Bị giặc vây quanh thành hơn bảy mươi ngày, trong thành thiếu nước mọi người đều khốn khó, Sư theo ra ngoài đến chỗ giếng lấy nước mang trở lại. Thứ Sử cúi đầu hỏi: “Giặc lúc nào mới tan?” Sư bảo: “Chỉ nên xưng niệm Kinh Bát-nhã”. Bèn bảo khắp cả thành mọi người đều hợp tiếng xưng niệm. Chỉ phút chốc, giặc ở ngoài thành thấy ở bốn góc thành đều có lực sĩ cao lớn oai phong mạnh mẽ chẳng ai bằng, muốn được thấy Thứ Sử, bảo rằng: “Muốn thấy Đại nhân hãy tự vào thành!”. Bọn giặc liền tan. Đã được bình an, Sư muốn đi đến Hành Nhạc, trên đường lần lượt đến Giang Châu, các hàng tăng tục lưu giữ Sư trụ lại chùa Đại Lâm ở Lô Sơn. Tuy bị giặc cướp lại qua mười năm. Các Hàng tăng tục ở Kỳ Châu thỉnh Sư qua Giang Bắc, đến huyện Hoàng Mai ở chùa Chúng Tạo. Sư theo đó đi lên đường núi, bèn thấy núi Song Phong có suối đá tốt đẹp, liền có chí muốn trọn đời ở tại đó. Đang giữa đêm có con thú dữ lớn đến khuấy nhiễu, Sư đều trao truyền cho Quy giới cho nó, xong rồi bảo đi. Từ khi Sư vào núi đến nay nay hơn ba mươi năm. Các hàng học chúng ở các Châu không nơi xa nào mà chẳng đến. Thứ sử Thôi Nghĩa Huyền nghe đạo phong Sư bèn đến lễ kính. Lúc sắp thị tịch Sư bảo đệ tử là Sa-môn Hoàng Nhẫn rằng: “Hãy vì tôi mà xây tháp, mạng sống sắp dứt, còn chẳng bao lâu!” Sư lại thúc giục phải gấp hoàn thành. Sư lại hỏi: “Đã đến giữa trưa chưa?” Đệ tử đáp: “Sắp đến giữa trưa!” Đại chúng cùng nhau thưa hỏi: “Hòa-thượng không đã căn dặn gì ư?” Sư bảo: “Từ trước đến nay căn dặn chẳng ít!” Nói lời ấy vừa xong, Sư liền thị tịch.

Bấy giờ trong núi có hơn năm trăm người, và các hàng tăng tục ở các châu bỗng nhiên thấy trời đất tối mịt, vây quanh chỗ ấy khoảng 3 dặm, các thứ cây lá đều trắng xóa. Bên cạnh phòng Sư ở có một cây

Ngô Đồng công nhánh hướng vào phía phòng, đến nay, chỗ công ấy đều khô. Lúc đó là ngày mồng bốn tháng chín nhuận niên hiệu Vĩnh Huy thứ hai (651) thời Tiền Đường, Sư thọ bảy mươi hai tuổi. Đến năm sau (652) các đệ tử của Sư như Hoàng Nhãn, v.v... đến chỗ tháp mở cửa xem thì nhục thân Sư vẫn an nhiên ngồi thẳng như xưa, bèn dời sang chỗ cũ, đến nay như vẫn còn.

7- *Truyện ngài Thích Huệ Minh ở Giang Hán:*

Thích Huệ Minh, họ Vương, người ở xứ Hàng Châu, xuất gia từ thiếu thời, đi hành Đạo khắp nơi, không nơi ở cố định.

Bấy giờ ở Việt Châu có Pháp sư Mẫn nhóm chúng mở mang giáo hóa, khắp bốn phương xa mọi người đều kéo đến nương theo, Sư ở nơi Pháp tịch suốt hai mươi lăm năm. Chúng tăng có cả ngàn vị mà Sư thấu hiểu cao bậc nhất. Sư đắp mặc pháp y bằng vải thô hơn hai mươi năm. Bấy giờ mọi người đều gọi Sư là “Thanh Bố Minh”. Sư chí thành mạnh mẽ, quả cảm tự răn, siêng năng không biếng trễ. Sau, Sư lại đến chỗ Thiên sư Nham ở Tương Châu, suốt một lần trải qua mười năm thừa hỏi thiền Pháp, ở núi mà thiền niệm. Sư từng gặp phải đường đi bị tuyết phủ, suốt bảy ngày không ăn. Ngài tự nghĩ bảo rằng: “Ta nghe không ăn bảy ngày sẽ chết. Nay rõ biết là do nghiệp, nếu nghiệp tự tại thì hãy thử để biết”. Bèn lấy dây tự buộc trên bờ núi cao, đóng đưa như có người cắt đứt, nhân đó rơi xuống sườn núi, như người nâng đỡ, không gì tổn hại. Ngài lại đến núi Tứ Vọng ở Kinh Châu, tu hạnh Đầu-đà. Có hai con hổ cắn nhau, Sư tự đến phân giải. Mùa đông hay mùa Hạ Sư chỉ mặc một bộ y phục theo bên mình, chỗ ra đi đều không luyến tiếc. Như trong Kinh gọi là “Như chim bay trong hư không” là dụ cho hạng người ấy. Sư tụng Kinh Tứ Ích, y cứ theo kinh mà thực hành.

Gần niên hiệu Long Sóc (661 - 664) thời Tiền Đường từ Nam Sơn, Sư ra đến Kinh Đô du quán. Mọi người cùng Sư bàn luận không ai thấu đạt trước. Sau đó không lâu, Sư trở lại, nói là đến Giang Khúc nương tựa nơi nhàn tĩnh mà tu Đạo. Chẳng biết Sư ở đâu.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
Quyển 21 B hết.



TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 22

CHƯƠNG IV: NÓI VỀ LUẬT

TRONG PHẦN 1 CHƯƠNG IV

(chánh truyện có mười lăm vị, phụ có mười hai vị).

1/ Truyện ngài Thích Pháp Siêu trụ chùa Thiên Trúc ở Dương Đô, thời Nam Lương.

2/ Truyện ngài Thích Đạo Thiên trụ chùa Vân Cư ở Chung Sơn, thời Nam Lương.

3/ Truyện ngài Thích Tuệ Quang trụ chùa Đại Giác ở Nghiệp Hạ, đời Tề (Đạo Vân, Đạo Huy, Cư Sĩ Bằng)

4/ Truyện ngài Thích Đàm Ẩn trụ chùa Đại Diễn ở Nghiệp Đông, đời Tề (Hong Lý, Đạo Lạc).

5/ Truyện ngài Thích Đàm Viện trụ chùa Quang Trạch ở Dương Đô, đời Trần.

6/ Truyện ngài Thích Trí Văn trụ chùa Phụng Thành ở Dương Đô, đời Trần.

7/ Truyện ngài Thích Pháp Nguyên trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Tinh Châu, đời Tùy (Đạo Kham, Đạo Hạnh).

8/ Truyện ngài Thích Linh Tạng trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô, đời Tùy.

9/ Truyện ngài Thích Tông U trụ chùa Diên Hưng ở Tây Kinh, đời Tùy.

10/ Truyện ngài Thích Đạo Thành trụ chùa Phụng Thành ở Tương Châu, đời Tùy.

11/ Truyện ngài Thích Hồng Tuân trụ chùa Đại Hưng Thiện ở Tây Kinh, đời Tùy (Đạo Hồng, Pháp Thắng, Hồng Uyên).

12/ Truyện ngài Thích Giác Lãng trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy (Hải Tạng, Pháp Thương).

13/ Truyện ngài Thích Tuệ Chủ trụ chùa Hương Lâm ở Thỉ Châu, thời Tiền Đường.

14/ Truyện ngài Thích Trí Bảo trụ chùa Thắng Quang ở kinh đô, thời Tiền Đường.

15/ Truyện ngài Thích Tuệ Sần trụ chùa Long Cư ở Ích Châu, thời Tiền Đường.

1- Truyện ngài Thích Pháp Siêu trụ chùa Thiên Trúc ở Dương Đô:

Thích Pháp Siêu, họ Mạnh, người ở xứ Vô Tích thuộc Tấn Lăng. Năm mười một tuổi, Sư xuất gia tại chùa Linh Căn. Tuy còn nhỏ nhưng Sư đã thông minh đỉnh ngộ, dốc chí cầu học không mỗi mảy. Sư theo Sa-môn Tăng Hộ ở cùng chùa tu tập kinh luận, nhưng Sư cao nhã có ý tứ sâu xa, tìm cầu chỗ sâu kín, học luận quy ngưỡng. Sư nghèo khó, không có áo mặc cơm ăn, xin kẻ từ để tự nuôi sống mà tâm tánh Sư mềm mỏng, khổ nhọc không lo lắng.

Sau, Sư theo Sa-môn Trí Xứng ở chùa An Lạc, chuyên giảng dạy Luật Thập tụng đến nổi có tiếng là mạng gia, bảo Sư chiết trung hơn hai trăm lượt. Từ khi ngài Trí Công thị tịch về sau, một mình Sư riêng bước nơi chốn kinh ấp. Đến tuổi trung niên, Sư phước bỏ hạnh nghiệp, hơi mất giềng mối lớn, sau đó, Sư trở lại giảng giải, chúng nhóm họp rất đông. Vua Võ Đế (Tiêu Diển 502 - 550) thời Nam Lương cho rằng Luật giáo là chỗ nương của thời Tượng pháp. Học tuệ là thêm bậc dần tiến lên, là cốt yếu của sự sửa thân diệt tội, ba Thánh đều do đó mà quy hướng, không được thiếu sót, như bịt mắt đi đêm thường sợ sa hầm sụp hố. Muốn cho tất cả tăng ni đối với Năm Thiên bẩy Tự dẫn ý giúp tâm. Vì Sư là người tài giỏi về luật học, nên vua ban sắc mời Sư làm Đô Ấp Tăng Chánh. Ngõ hầu để Sư dẫn dắt đồ chúng, nghi biểu do đó mà được đứng vững. Vua Võ Đế lại cho rằng Luật bộ nhiều rộng, gặp việc khó nghiên cứu. Ngoài sự xem nghe thì thiếu sự nghiên cứu rộng về giới pháp, giúp đời kết thành văn, Sư bèn soạn thành mười bốn quyển, đề hiệu là “Xuất Yếu Luật Nghi”. Vì ngôn từ thiếu sót, bao gồm nhiều bộ, thông khắp mọi chốn của thời Nam Lương đều nương tựa theo mà thực hành.

Niên hiệu Phổ Thông thứ sáu (525) thời Nam Lương, Vua Võ Đế mời nhóm họp tất cả các hàng biết việc cho đến những người danh giải tại điện Bình Đẳng. Vua ban sắc mời Sư giảng luật, đích thân Vua, đến nơi pháp tòa dự nghe nhận, thành khuôn phép. Vì Đại chúng gồm cả kẻ

tăng người tục nên sợ rơi vào lỗi lầm, do đó Sư chỉ mới lược nêu cương yếu, tuyên bày Hoàng Chí. Ba tuần sắp mãn, Văn từ đã xong. Do đó dẫn dắt hoàng dương Bí Bộ, mở ngọ đương cơ, bèn được bốn Chúng thay đổi tâm tánh, triều đình đều vui mừng.

Đến mùa đông niên hiệu Phổ Thông thứ bảy (526) thời Nam Lương, Sư thị tịch tại chùa Thiên Trúc, thọ bảy mươi một tuổi. Vua Võ Đế ban sắc an ủi và bảo Hữu Ty đón rước an táng và xây tháp mộ tại chùa Khai Thiện ở Chung Sơn.

2- Truyện ngài Thích Đạo Thiên trụ chùa Vân Cư ở Chung Sơn:

Thích Đạo Thiên, người ở xứ Giao Chỉ, Sư sớm vượt khỏi màn lưới thế tục, lập tánh nghiêm minh, tu thân giữ giới, bày đức hạnh như sương tuyết. Mọi người trong giòng họ, xóm làng cho đến các hàng tăng tục đều quý mến sự khắc kỷ ấy và xem trọng hạnh chí thành của Sư.

Chùa núi ở Tiên Châu, khi xưa có lăm hổ hại người, từ khi Sư đến đó ở thì tai họa ấy chấm dứt. Nghe Tề Cảnh Lăng Vương mở mang Thiên luật, mở rộng trường giảng. Mọi người xa ngàn dặm đồng đến Kim Lăng, đều là những bậc Tiêu lãnh ở khắp bốn biển, người thì giỏi, Đạo thì cao. Sư truyền tỏa hương cỏ thơm, nhiều lần thâu đêm chẳng ngủ, nghĩ muốn tham dự Thăng tập, kính phụng chân thuyên.

Khoảng đầu niên hiệu Vĩnh Minh (483) thời Nam Tề, Sư đến Kinh thất, trụ chùa Vân Cư ở Chung Sơn. Nghe giảng góp nhặt tuy nhiều bộ mà Sư chỉ nhờ luật Thập tụng mà nổi tiếng. Trải qua thời gian hóa đạo, các hàng tăng ni kính tin. Nên có oai đức chấn phát để thấy tiếng tăm, nhưng Sư vẫn điềm nhiên vui vẻ dẫn dắt khai ngộ, bàn luận phong thái. Tại Đô ấp người thọ nhận giới pháp khuôn phép với Sư có hơn ngàn vị. Đồ chúng thường theo nghe giảng chưa tới trăm vị. Sư lại ưa thích Diệt giác quán, chóng lưu lại nơi hang sâu. Động vượt cảnh đêm mới tìm trông bước, lại thêm thường ăn rau trái, mặc áo thô xấu, ngon không vào miệng. Nếu có người dâng cúng đồ vật mới đẹp, Sư bèn tùy sự cung cấp mà cho kẻ nghèo bệnh. Sư giàu sang của biết đủ, đâu gì hơn nữa. Cuối cùng, Sư ở nơi phòng nhà tại chùa, lắng vết chốn núi rừng, chẳng giao du với thế tục, an khổ lập hạnh. Mọi người lấy làm lo lắng, nhưng Sư chẳng thay đổi niềm vui ấy.

Đến niên hiệu Đại thông thứ nhất (527) thời Nam Lương, Sư thị tịch tại chùa núi, thọ bảy mươi tuổi.

3- Truyện ngài Thích Tuệ Quang trụ chùa Đại Giác ở Nghiệp Hạ:

Thích Tuệ Quang, họ Dương, người ở xứ Trường Lô thuộc Định Châu. Năm mười ba tuổi, Sư theo cha đến Lạc Đô, ngày mồng tám tháng tư, đến chỗ Thiên sư Phật-đà, theo thọ Pháp Tam Quy. Ngài Phật-đà lấy làm lạ về ánh mắt của Sư tỏa sáng bắn toé như lửa, suy nghĩ sâu hẳn là có tiết tháo kỳ đặc. Nên khuyên răn dẫn dụ ở lại và trao kinh bảo Sư tụng đọc. Sư cầm lấy quyển kinh xem văn mà như ngày trước đã từng tập học, bên cạnh đó lại thông rộng ý nghĩa, thấu cùng lý sâu, thêm vì bàn luận khúc chiết, thái độ mới lạ, làm biến động tâm chúng sinh, lúc đàm nói vượt quá miệng. Nên đến cuối mùa Hạ, Sư được độ cho xuất gia.

Kinh điển Sư được tập học, bèn lại giảng nói cho người nghe. Văn từ đã trong hay khéo léo, mà lý cũng cao đẹp. Người đương thời gọi Sư là “Thánh Sa-di”. Nhân được lợi dưỡng, Sư nhận rồi lại ban thí. Sư trông coi nhưng rồi lại cho hết. Nên ngài Phật-đà bảo rằng: “Đó thật là hạnh của bậc Đại Sĩ!” Bèn mặc tình Sư, mà chẳng ngăn cấm. Ngài dò xét thưa hỏi chỉ dạy, kính giữ mà lấy làm lạ, nhưng Sư là người cao nhã, tâm lượng rộng rãi, chẳng câu nệ tiểu tiết. Với mọi sự khen chê được mất, thanh sắc chẳng biến đổi. Mọi người càng mến trọng Sư và khen ngợi độ lượng cao xa ấy. Ngài Phật-đà bảo rằng: “Sa-di này chẳng phải người thường, nếu thọ Đại giới thì nên trước nghe học luật. Luật là nền tảng của tuệ, nếu người không có trí thì chẳng thể vâng giữ. Nếu ban đầu nương tựa y cứ vào kinh luận, thì sẽ xem thường giềng mối giới luật. Tà kiến là cội nguồn phá diệt giáo pháp, chướng ngại chánh Đạo”. Do đó, trao cho nhiều Luật kiểm. Trước tiên là bộ Luật Tứ Phần chưa được truyền ba rộng. Có Luật sư Đạo Phú mở đầu khai giảng bộ ấy, soạn luật sơ sáu quyển, chỉ là khoa văn. Còn như nêu cử Hoàng Tông, thì không nghe có ở đời. Nên sở học của Ngài (Tuệ Quang) hoàn toàn y cứ khẩu truyền.

Đến lúc đủ hai mươi tuổi, học hạnh của Sư hơi hoàn bị, thường nghe nói chẳng thông hiểu, hoa phát giới bèn trở ngại, Sư bèn về quê cũ tấn Đàn thọ giới cụ túc. Sư rộng nghe giảng về luật bộ, y cứ theo văn mà hành trì. Mùa Hạ năm thứ tư, Sư sắp lên giảng luật Tăng-kỳ, Mới đầu vì xướng cao nêu ít người họa, từ lý tinh huyền dần nhiễm bến dòng, chưa được toại nguyện thính chúng nhóm họp. Sư biết chỗ thấu đạt của Công phu học tập, nghĩa phải rộng khắp các bộ. Do đó, Sư bèn nương tựa Biện Công tham học các kinh luận. Sự tốt đẹp của người nghe

người nói tiếng tăm vang tới quận Triệu. Sau đó, Sư đến Lạc Kinh, sư tìm mới lạ, âm từ chữ nghĩa cả hai vùng Nam Bắc, Sư đều thông suốt sâu mầu, đều là sự khổ nhọc của tâm kế. Sự việc phải cần văn ký, Sư mới chuyên việc giấy bút, ghi chép những điều được nghe, lại dùng ý lường xét, tham dự cùng tiêu tan. Một hôm, Ngài Phật-đà thăm trông thấy Văn ngôn, bèn gọi Sư đến bảo rằng: “Việc độ con của ta, trông mong truyền quả hưởng nơi Tâm, sao mãi khư khư với ngôn ngữ ở đời ư? Nay trông thấy thần khí đã thành, xứng đáng là Pháp sư cao sáng! Việc Đạo chẳng phải phận sự của con, vì sao lại tự làm lụy?” Nhân đó mà rơi nước mắt!

Gặp lúc ngài Phật-đà làm chủ chùa Thiếu Lâm, Tam Tạng Pháp sư Lạc-na mới bắt đầu phiên dịch Kinh Thập Địa, sau đó bèn hợp dịch. Sự việc có nói rõ ở biệt Truyện. Khi ấy, Sư được tham dự pháp tịch ấy. Vì vốn có tập học phương ngôn (thổ âm của từng địa phương), thông suốt cả hai sự tranh cãi ấy, lấy bỏ do tổ ngộ, giềng mối hiện còn. Từ đó, Kinh Thập Địa được lưu truyền, mạng chương có giải thích, riêng Luật Tứ Phần mở đầu nền tảng ở đây. Với các kinh Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Duy-ma, Thập Địa, Địa Trì v.v... đều sơ giải chỗ sâu kín mà mở mang giảng nói dẫn dắt. Nhưng văn từ vẫn còn phong cốt, rất lược chương cú, cho nên cả ngàn năm vẫn kính ngưỡng Thanh quy ấy. Các Sa-môn kính phụng lấy đó làm Tông hạt. Tư Đồ Cao Ngạo, Tào Bộ Xạ Cao Long Chi, cho đến Triều thân Tư Mã Lệnh Hồ Tử Nho v.v... là những bậc Danh Hiền ở đời Tề, đều kính trọng Sư như bậc Thánh.

Từng gặp phải năm hạn hán, mọi người thưa trình với Sư, Sư bèn đến bên bờ hồ Tung nhạc, đốt hương cầu mưa. Liền sau đó, mưa tuôn đổ, khắp gò đồi thấm ướt, Dân chúng đều được lợi. Lại nữa, gặp lúc họ Chu đem binh lính xâm chiếm đất Bắc, trừng phạt bắt tăng ni đóng thuế để sung vào quân lính, trước tiên đặt ra hình luật nghiêm ngặt, người nào dám cản ngăn sẽ bị chém. Bấy giờ, Sư đang đảm nhận chức vụ Tăng Quang, trông coi năm chúng xuất gia gặp phải khốn khó bế tắc, bèn đem mạng trắng đến nói với Thế Long rằng: “Nếu đáng thực hành loại thuế này, thì việc nước chẳng thể tồn tại”. Nói xong khắc rõ, việc, cũng được miễn khỏi. Sư có sự cảm kích cùng cực đến u hiển, đại loại là như thế.

Mới đầu, khi Sư ở tại Kinh Lạc, đảm nhận chức vụ Quốc Tăng Đô, sau được thỉnh đến đất Nghiệp, tiếp nối rất có công, bèn chuyển làm Quốc Thống. Trước ngày sắp tịch, Sư cưỡi xe đến đất Tào, vừa đi ra cửa chùa, nóc xe tự rách, liền ngồi xuống phán xét sự việc, bỗng nhiên rơi

bút. Sau đó tìm không biết ở đâu. Sư tự biết tướng sắp qua đời. Do đó nên không được khoẻ, qua hơn bốn tuần. Sư điềm nhiên thị tịch tại chùa Đại Giác ở Nghiệp Thành, thọ bảy mươi tuổi. Sư thường nguyện sinh về cảnh giới Phật mà chẳng định phương hướng nào. Đến lúc hơi thở sắp dứt, đại chúng đều thấy cung trời hạ xuống, bèn mới đầu thành hương về An dưỡng, bỗng chốc thị tịch.

Từ khi Sư lập chí trong trắng tỉnh lặng, giữ vững giới nghiệp, động chỉ an nhiên rõ ràng, y phục chấp vá, suốt đêm ngày chỉ chuyên tâm nơi Đạo, của cải không chứa để rửa trừ dơ uế, thề lấy trọn đời làm kỳ hạn. Riêng trọng hành Tông, bốn oai nghi không vọng động, dùng Pháp ấy nghiêm khiết chính mình, riêng lập. Bảy chúng rất kính sùng tiết tháo ấy. Từ khi chánh pháp truyền đến phương đông, mở rộng ở đời thì Sa-môn Đạo An là người mở đầu, tăng tục đổi thay phong cách, rộng ngôi vị thanh giáo thì ngài Tuệ Quang tiếp theo đó. Các tác phẩm do Sư soạn như Kinh Thắng-man, Di giáo, Ôn Thất, Nhân Vương, Bát-nhã v.v... đều có chú thích. Lại soạn lại Tứ Phần Luật Số, gồm một trăm hai mươi trang. Đời sau trích dẫn đó để làm nghĩa tiết. Và với Yết-ma Giới Bản đều thêm san định, khắp cùng nay các bạn đạo đều trì tụng. Sư lại soạn; Huyền Tông Luận, Đại thừa Nghĩa Luật Chương, Nhân Vương Thất giới và Tăng chế Thập Bát Điều đều là Văn từ ý chỉ trong sáng, hợp với thời thế.

Có Học Sĩ Đạo Vân sớm nương tựa bảm thọ từ thầy, kính vâng di chỉ của Sư, chuyên truyền bá Luật Bộ, soạn luật số chín quyển là tác phẩm đầu tiên của chúng, thành Tượng rất nhiều, giảng nói càng xa. Thêm vì, oai dung nghiêm túc, mọi hành động cử chỉ rất có phong nghi, bàn nói từ hòa, ngôn hạnh xét nhau. Trong môn nhân của Sư (Tuệ Quan) lại có Sa-môn Đạo Huy là người nổi tiếng ngang với ngài Đạo Vân, tình trí cao ngạo, chẳng giữ phương hướng, lược bớt bộ luật số do ngài Đạo Vân soạn làm thành bảy quyển, xứng dùng ý hợp, kiên-độ suy theo đó. Nên có nạn ngữ nói rằng: “Vân Công ở đầu, Huy Công ở đuôi, Hồng Lý soạn thuật ở giữa”. Là do đó vậy. Đồng thời còn mất có tiếp nối, chứa nhóm tốt lành chẳng tìm cầu, thật đáng buồn thay! Bấy giờ, ở nơi Sư (Tuệ Quang) có các học sĩ chí thành kính ngộ rất đông đảo. Những vị được chúng suy tôn kính ngưỡng có mười tám người, tuyền chơn hạnh giải để nhập thất chỉ có chín vị.

Có Nho sinh Cư sĩ Bằng Cồn, Sư (Tuệ Quang) là người sắp vào trong số, Bằng Cồn vốn người đất Ký, rất thông hiểu kinh sử, được tiến cử vào Đài, để làm Quán Quốc, riêng tự suy nghĩ rằng: “Hai giáo nghĩa

Đen Trắng (Nho - Đạo) đã từng rất có hoài bão, riêng đối với Thích Tông từ thuở bình sinh không hề kính tin, thử đến hầu Tuệ Quang, muốn luận bàn về Danh lý”. Gặp lúc Sư đang lên pháp tòa giảng pháp, Bằng Cỗn đến dự nghe, chăm chú về oai dung, lắng nghe âm thanh biện giải. Sở chỉ của Văn Cú là dứt trừ nghi trệ làm đầu. Liên ngay nơi chỗ ngồi dốc hết kiên thành, tự xót thương được nghe muện màng, bèn co chân cúi đầu dốc mạng quy y. Nhưng đánh phá nguồn bệnh ấy rất rõ về yếu hại, cái “ngã” là có cội gốc, riêng chỗ rong ruổi. Mỗi lúc có các hàng tăng tục tiếng tăm đến giúp cho Pháp Dực, Bằng Cỗn liền tùy bệnh mà đặt ra cách trị liệu. Người tin thì ngậm khóc. Cho nên Bằng Cỗn nói rằng: “Các hành giả không được tin ở đây, Vô minh còn mê mờ tâm, tìm hay tìm dở, nghe kinh học hỏi, trang sức tâm ta. Phải biết lừa giặc tìm kiếm lỗi ác kia, chẳng tìm hay dở thì ngã tôi dần hết. Đặc biệt phải phân rành xa, chớ mê tự tha. Lỗi lầm nơi ta thường khởi đây khắp pháp giới. Người khác nói ít lỗi thì liền tức giận. thường phải xét tâm tự mình nhiều lỗi. Nếu nghĩ lường thì tuy ở thế gian, không có thắm đượm vị thì không bao giờ có tâm vui mừng. Vì chưa mất Ngã thì do đâu mà có vui? Tâm này đem ngã lên đến tận cõi trời Phi Tưởng, trở lại xuống đến địa ngục. Thường lừa dối Ngã, như là kẻ thù, như là kẻ tội tở được thương yêu. Đâu thể học vấn nuôi lớn giặc tâm, khéo làm kín làm, khiến tìm danh lợi, tạo nên sự ganh ghét. Nên trong kinh nói rằng: “Phải làm thầy của tâm, chớ bắt chước nơi tâm”. Đứa bé tám tuổi có thể đọc tụng mà người già trăm tuổi chưa dễ thực hành! Nên chẳng cứu gấp”. Bấy giờ, có người lén ghi lời đó, thế gian gọi đó là “Bổn Tâm Luận”. Cũng có người ôm ấp trong lòng gặp cảnh thì hoàn toàn quên mất, do không chuyên cần mài giũa cho nên như vậy. Bằng Cỗn ở nơi môn tịch của Sư cúi đầu dò xét hơi thở. Thường cúng dâng cơm cháo mỗi ngày theo thường lệ, cung phụng chư tăng xong rồi, rửa dọn ngưỡng lóng cạn bã đem nấu lại mà tự dùng. Hơi có chút mùi vị thơm ngon, bèn để lại cung cấp sau. Đêm đến ở trước bếp, lấy một bó chổi chia làm hai phần, một phần gói lụng, một phần ngồi lên đó. Tướng sáng vừa xuất hiện thì cháo đã chín, bất luận thời tiết như thế nào, việc ấy thường như vậy. Sau giờ ngọ mang các thức ăn đến nơi tù ngục, mọi chỗ qua lại, người biết đều mở đường. Hoặc đến chỗ nào đồng đảo người thì dẫn trước cung cấp, hoặc nước hoặc lửa, hoặc quét hoặc chổi, tùy mọi việc cần, không gì chẳng dự vào. Miệng luôn giảng pháp, như lúc đầu, không hề nói mỗi một. Sau, Sư qua đời nơi môn tịch của ngài Tuệ Quang.

4- Truyện ngài Thích Đàm Ân trụ chùa Đại Diễn ở Nghiệp Đông:

Thích Đàm Ân, họ Sử, người xứ Hà Nội. Thuở thiếu thời, Sư nhàm chán trần tục. Đến các chùa Phật, kính phụng giới luật, tụng tập các kinh, mỗi một ngày đêm thường lấy chuẩn định ba mươi vạn lời làm thường xuyên.

Đến lúc đủ tuổi, Sư đăng đàn thọ giới cụ túc, quy hướng nương tựa Sa-môn Đạo Phú nghe học Luật bộ, siêng năng mài giũa càng lâu, nghiên tâm càng sâu. Sau, Sư lại theo Quang Công tham cứu tính yếu, đào luyện nhuần thấm biến thông, trở thành đệ tử tài giỏi của Quang Bộ. Sư mới vượt bộ qua Kinh Nghiệp, đến hưởng bậc tổ ngộ Yên Triệu. Thứ sử Định Châu là Hầu Cảnh kính trọng Sư như thần tiên, vì xây dựng chùa, thỉnh Sư đến ở và cung cấp. Sau cùng, Sư trở về Chương Tân, mở mang giáo điển ấy. Bộc xạ Cao Lang Chi thêm lễ vẻ vang khác lạ hành Đài. Hầu Cảnh lại đến Nghiệp Đông, xây dựng chùa Đại Diễn và lại thỉnh Sư đến trụ ở đó, mở mang truyền bá giới tông. Năm chúng đều kính ngưỡng. Sư tùy câu hỏi mà phán định Văn nghĩa nhã chánh.

Bấy giờ, có Sa-môn Đạo Lạc là người chuyên trì luật, hạnh giải đều gồm, mọi người đều tôn quý, khí điệu rộng xa, hoặc có người mô phỏng theo, nên trong đất nghiệp có lời nói rằng: “Luật Tông lược rõ chỉ có Đàm Ân và Đạo Lạc!” Hai ngài được người đời kính trọng đến như thế. Mà ngài Đàm Ân tánh thích một mình đi các nơi, không nuôi đệ tử, không chứa để chút của cải nào, mặc áo hở bầy vai lưng trọn đời. Y bát luôn mang theo bên mình như hai cánh của con chim. Trông nhìn xoay mình thế giữ lấy như voi xoay. Vừa thông luật giữ luật, thời bấy giờ chỉ một mình Sư mà thôi. Đến năm sáu mươi ba tuổi, Sư thị tịch tại chùa Đại Giác ở Nghiệp Thành. Sư có soạn Luật sao bốn quyển. Môn nhân đệ tử thành khí có hơn mười vị, đều y cứ theo khuôn vết ấy.

Bấy giờ, lại có Luật sư Hồng Lý là bậc tính khí riêng biệt, Văn từ cao nhã nghiêm chánh, dự cùng luận bàn dữ dội ít ai chẳng mất vết, Sư có soạn Luật sao hai quyển. Bấy giờ, cùng với Đồng Bí, sau là Sa-môn Trí Thủ mở rộng từ nghĩa, nhã bày cương mục hợp thành bốn quyển, hiện tại đều tụng.

5- Truyện ngài Thích Đàm Viện trụ chùa Quang Trạch ở Dương Đô:

Thích Đàm Viện, không rõ Sư họ gì, người ở xứ Kim Lăng. Sư có được tài thuật tung hoành, thông rành Tử Sử. Từ thuở nhỏ đến lúc

trưởng thành do nghe qua mà nổi tiếng. Số luận là tôn chủ ở đương thời, Sư đều trải qua đào luyện ghi chép. Nhưng oai nghiêm của Sư các hàng trẻ nhỏ chẳng vọng bước đến. Sư kính cẩn gìn giữ rất có công phu và thường dùng văn hoa để tự xử. Bấy giờ, có người mưu toan can ngăn, nhân đó Sư phế bỏ mọi tập học trước, chuyên về Bỉ Bội, Đàn Vi nêu cáo chỉ nghiệm ở tai mắt. Do đó mà tiếng tăm vang vọng kinh ấp, những người đồng hàng rất lấy làm kính trọng. Sư chuyên lấy giới luật để xử thế. Trú trì là cần yếu, mới theo các trường giảng, chuyên tập học Luật Thập tụng. Công phu chứa nhóm đã hiển bày, Học quán đã nêu. Từ đó thường đáng ở nguyên tế, trấn giảng nối nhau.

Dưới đời Trần Không cho là gần gũi, nên khiến năm chúng tiếp nối Phong du ấy, bảy quý nương theo bến cứu giúp đó. Sư cũng có thường đồ chúng nghe giảng có hơn hai trăm vị. Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-593) đời Trần ban chiếu khắp trong nước, những vị mới thọ giới chưa đủ năm hạ đều tham dự tu học nơi trường luật. Có thể ở kinh ấp nơi chùa lớn thiết đặt rộng trường giảng. Và bèn ban sắc cho Sư trông coi xem xét tất cả, nêu rõ khoa cử, Hữu Ty y cứ tiêu chuẩn cung cấp ăn mặc. Sư đã được ân chiếu dạy răn khắp tất cả chư tăng trong nước, trùm khắp bốn phương xa, muôn dặm đều thuộc. Bấy giờ, Sư liền tìm chọn các vị minh giải từ nghĩa có hơn hai mươi người, đồng một lúc giảng nói mở mang, chúng tăng đều có đến ba trăm vị. Lúc bấy giờ, khắp Kinh Ấp náo nhiệt, hành trì đọc tụng rầm rĩ. Nước nhà phụng cúng cung cấp sung túc, người học không phải khốn khó. Chưa được mấy năm mà đạo khí tăng nhiều. Những vị có học đã thành sắp trở về bốn ấp, Sư đều nhóm tụ đồ chúng, hỏi han Lý sự. Với những người không còn phải nghi ngờ mới được cho đi. Do đó luật học càng mới, tấu trình lên triều đình, Vua Tuyên Đế lại ban sắc an ủi, bèn thỉnh Sư vì nước nhà mà đảm nhận chức Tăng Chánh, và mời Sư trụ chùa Quang Trạch. Sư từ chối vì trách nhiệm, vua ban sắc đặc ân chấp thuận. Sư gá thác chẳng đua tranh, luôn đóng cửa tự xét. Chẳng có chúng nhóm họp thì Sư không quên kinh hành. Với mọi sự vui buồn trai hội, Sư hoàn toàn không dự tham. Đến chốn núi suối rừng trúc, thấy thì quên trở về. Sư thường lên các chùa ở Chung Phụ, sửa sang tạo dựng Đạo Hiền, xúc sự hứng thú thi phú, trông xem cảnh vật nghĩ nhớ người xưa.

Có Pháp sư Hồng Yển là người tánh tình cao ngạo như đá sỏi, riêng được các bạn theo, nắm tay rào bước ngoài rừng đồng đi đến nơi vườn cũ. Sư đề bài thơ ở gốc cây rằng:

“Gò đảo phấn lá ít

*Nước bạc thêm mầm nhiều,
Thấm dần khách nhỏ lệ
Buồn oán động người ca
Xuân qua độ dây sấn
Thu bốn lớp cát dài.
Nai hưu tự nhảy cưỡi
Xa giá bắt trái qua.
Tiêu điều đồng rộng ngóng
Buồn bã biết làm sao!”*

Ngài Hồng Yển tiếp đề thơ rằng:

*“Rồng ruộng dưng vườn cũ
Nước phân kết sóng dư
Buồn trông thương dôi mắt
Cay đắng nghĩ mối nhiều.
Khói mát thảm cây cao
Sương dày đầy lưới nhẹ
Đâm Qùy còn đeo giếng
Ao trúc dưới lấm sen
Gió thu không tự gấp
Chẳng đáp mây trắng ca!”*

Sư thị tịch vào khoảng niên hiệu Thái Kiến (569-583) đời Trần tại chùa đang ở, thọ tám mươi hai tuổi. Ban đầu mới cảm bệnh sắp hiện, Sư bèn bảo với đồ chúng rằng: “Sinh tử đối pháp, Phạm Thánh đều bị buộc ràng. Trừ người đã chứng ngôi vị cùng cực, còn có tâm chẳng ai tránh khỏi! Nay sắp đến đời sau, sức lực chẳng còn do đâu, nguyện được sinh lại để giảng dạy, có phần công phu thâm che chở. Đây kia đều tu dùng làm sự tu tập ở tương lai. Nếu chẳng vậy thì trôi nổi theo thế tục, chưa thể thành cứu giúp chung. Mong các vị Phạm hạnh đồng nghĩ suy lời này. Mọi việc Hậu sự tùy lượng, hãy y theo thành giáo!”. Nói xong, Sư ngồi thẳng như nhập định, không bao lâu thì thị tịch. Các hàng tăng tục buồn khóc, khen ngợi Thần Chí minh chánh của Sư chẳng sánh duyên nghiệp. Vua Tuyên Đế ban sắc y theo Pháp cử hành lễ trà-tỳ, xây tháp trắng, lập văn bia tại chùa.

Sư có soạn Thập Tụng Luật Sớ mười quyển, Giới Bản, Yết-ma sớ mỗi thứ hai quyển, Tăng gia thư nghi bốn quyển, Biệt tập tám quyển, hiện lưu hành ở đời.

6- Truyện ngài Thích Trí Văn trụ chùa Phụng Thành ở Dương Đô:

Thích Trí Văn, họ Đào, người ở xứ Đan Dương. Mẹ của Sư là con gái của Trung Thư Nguyễn Thao đời Lương. Mới đầu lúc mang thai Sư, mộng thấy một vị phạm tăng cầm chiếc gậy thông trao cho mà bảo rằng: “Sau này bà sinh con trai, nên cho làm trần vĩ!” Đến lúc sinh ra thì Sư vượt trội khác hẳn thường tình.”

Đến tuổi đi học, Sư đến nương tựa Sa-môn Bảo Điền, Trí Thành, làm Sư Phó. Từ khi thọ giới cụ túc về sau, Sư chuyên giảng Huyền tâm, chia giới túc thành năm thừa, Luật kiểm khai thành bảy chúng. Đầu chỉ thông đường sinh tử mà cũng là dây cương ràng buộc đạo tràng. Nghĩa phải trước tinh thông mới phù hợp ý Phật. Ngay đó Sư chí thành kính thờ Sa-môn Tăng Biện là bậc oai đức trùm khắp chúng tăng, giải hạnh cao vượt mọi người. Truyền nghiệp rất hưng thịnh một mình riêng bước ở đất Giang Biểu. Suy tôn bậc Lãnh tụ thì có Triện Công ở chùa Đại Minh. Nên mới đầu thì Sư theo học với Ngài Biện Công, sau thì quy hướng dưới pháp tịch của Triện Công. Với Luật Thập Tụng cùng và bộ khác, không bộ nào Sư chẳng luyện thông.

Niên hiệu Đại Đồng thứ bảy (541) thời Nam Lương, các chùa Linh Vụ, Ngõa quan tâu vua thỉnh Sư đến trụ chùa Quang Nghiệp, mở đầu khai giảng Luật tạng. Có Ân Quân ở quận Trần vì đó làm Đàn Việt, cho nên Sư khiến chúng tăng có hai trăm vị thường đến nghe. Vào cuối thời Nam Lương bị hoạn nạn, Sư bèn lánh đến Mân Hạ, lại ngồi sáng lãnh biểu. Bấy giờ, các Sa-môn Tăng Tông, Pháp Chuẩn là những vị nổi tiếng trong hàng hậu tấn, đều cầm kinh đến thưa hỏi. Sư lại cùng ngài Chân Đế đồng trụ ở Tấn An, cho nên được giảng dịch, đều hợp với Pháp Môn xán lạn. Bên cạnh đó khiến người Phàm tục sinh tín tâm đối với phong cách của Sư, nên những nhà nấu rượu thì phá hủy vật dụng làm rượu, người săn bắn chài lưới thì thiêu đốt lưới võng, mọi vật của tăng ni nhờ đó được đầy đủ.

Đến khi nhà Trần cai trị đất nước thì sông biển mở trong, việc giảng trao môn đồ càng nhiều hơn cuối đời Lương. Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-583) ra lệnh quân lính đánh chiếm chuẩn bị ở sông Phì. một trận chiến nếu không thành công thì ngàn vàng mất tan trong một ngày. Do đó, chuyển thân vận lực phải nhờ đến chúng tăng. Sư rất hộ trì chánh pháp, không sợ bị giết, bèn cách từ rằng: “Thánh Thượng thật khác hẳn, vua Vũ Văn phá diệt Tam Bảo. Quân tử vì nước nhà hẳn là ở lễ nghĩa, đâu nên đem ruộng phước tốt đẹp làm những việc như hạng

thấp kém? Chẳng phải chỉ có Địch là kẻ khinh mà còn gây ra tội rất nặng!” Vua liền ban sắc hứa cho phép, mọi việc đều dừng nghỉ. Từ đó về sau, mọi việc Sư trình tấu không gì chẳng xứng hợp. Sư sửa trị chúng tăng, đui phạt đều phù hợp với thời cơ cần yếu. Thượng Thư lệnh Tế Dương Giang Tổng nối gót Đạo đến phòng Sư không sai ngày tháng. Vậy đủ biết học mà có lộc Đức thì có gần gũi. Pháp vị nên thăng tấn, chúng tăng ngóng trông vui mừng đó!

Đến đời Tùy thay đổi vận nước, riêng ban luân ngôn, đã bãi bỏ Tăng Ty, hiến chương luật Phủ. Sau Đại quân thì gai gốc phát sinh, mười lăm sáu đàn thám sáng ở Giang Biểu, Sư lại y cứ theo Pháp mà cắt đứt, bèn được không tiếng sấm. Có thể gọi là Thiếu niên cường tráng miễn khỏi sự sai lầm của tóc bạc, Cỏ Đê, cỏ dữu bắt ẩn tàng giữa ruộng xanh. Trước sau Châu Tướng lớn đến dưới quân đều tôn trọng kính ngưỡng niên đức, ít kẻ chẳng tu kính. Trụ Quốc Võ Sơn Công Quách Điển cầu kính gấp bội thường tình, đích thân dẫn vợ con đến chùa làm Đàn việt xả thí, thiết bày Pháp hội trai nghi lớn, thỉnh Sư giảng nói Luật Đê. Chê khen phân tích có dáng vẻ của khắc tráng. Đồ Chúng đến nghe giảng có hơn ngàn vị, không ai chẳng tán phục.

Đến ngày hai mươi tháng hai niên hiệu Khai Hoàng thứ mười chín (599) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ chín mươi một tuổi. An táng gò ở phía đông núi, thuộc phía Nam chùa, nhìn về mộ tháp của Luật Sư Tăng Biện.

Từ lúc Sư nương theo Đạo, khí vũ cứng rắn đối với vật, tác phong khuôn mẫu làm gương cho người, giới phẩm tròn sạch, xử đoán rõ ràng. Nhưng phân tích chương cú văn từ giản lược, nghĩa lý dồi dào. Các nhà sửa chữa, soạn thuật ít có khả năng vượt hơn Sư. Lại nữa, khi quân lính ở Kim Lăng đốt hết chẳng còn lại gì, Sư bèn phát chí nguyện tiếp nối sửa sang chỉ mới theo nền tảng cũ. Sư giảng Luật Thập Tụng tám mươi lăm biến, Đại thừa Tiểu thừa giới tâm Yết-ma v.v... hơn hai mươi biến. Các Kinh Kim Quang Minh, Di Giáo v.v... mỗi thứ có số lượng nhiều ít khác nhau. Sư soạn Giới Nghĩa sơ, mười hai quyển, Yết-ma sơ, bốn quyển, Bồ-tát Giới Sơ hai quyển. Môn nhân truyền bá kính quý cho là nên tu theo. Các hàng tăng ni theo Sư thọ giới hơn ba ngàn người. Các vị học giả được phân bổ giảng giải thì như Sa-môn Bảo Định, Tuệ Trí, Tuệ Hiến, Trí Tăng, Tuệ Giác v.v... chỉ có hai Sa-môn Đạo Chí, Pháp Thành là hai cây trúc nhỏ tốt đẹp, dẫn đồ chúng dựng lập Đạo nghiệp. Xưa kia, Sư nằm mộng thấy đang đi thuyền giữa biển câu được hai con cá lớn, trong tâm rất lấy làm lạ. Và tới lúc Sư đến ở chùa Đông An giảng

pháp, trần vĩ vừa mới dứt phẩy thì hai ngọn đều rơi, Sư lại rất lấy làm lạ về việc ấy, bèn hỏi Quỳnh Thượng nhân ở chùa Kiến Sơ, thì được bảo rằng: “Trước thầy hai sự việc tốt lành ấy thì sẽ có hai con rồng truyền những điều giảng của Ông!” Lời nói ấy quả đúng như thế.

Ngài đạo Chí là bậc Danh giải cao nhất. Thái úy Tấn Vương Gia Tăng lễ ngộ đặc biệt. Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Sư lập Bia trong Đạo tràng Tuệ Nhật do Sa-môn Thích Pháp Luận soạn văn.

7- Truyện ngài Thích Pháp Nguyên trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Tinh Châu:

Thích Pháp Nguyên, họ Nhâm, người ở xứ Tây Hà. Tánh Sư kính đạt, rất tự cao thượng, mà vượt trội đến cùng hết điểm cao, chẳng sánh ngang với chúng bạn. Ở Đông Quán hóa Đạo, Sư bèn đến Nghiệp Đô, thân hình thì vận mặc bạch y mà miệng thì mở mang truy phục. Chiêu Huyền Đại Thống sa-môn Pháp Thượng đời Tề rất vui mừng thần tuệ ấy, bèn cùng bàn luận trọn buổi sáng, rất thấu hiểu chí khí nơi Sư, nhân đó mà cho phép cạo tóc xuất gia. Thường ngày ban cho chỗ sâu kín, Sư tung hoành mãi giữa suốt thời gian đầu. Ngài Pháp Thượng mới hỷ thứ để Sư vân du rộng rãi. Sư tư duy mạnh mẽ như gió rong ruổi, đi khắp các trường giảng, câu pháp không mỗi mệ, hỏi Đạo mới lạ. Sau Sư mới kính ngưỡng theo gót ngài Ba-ly, chuyên về kinh luật bộ, giềng mối Phật Pháp, đi thẳng Tăng Du. Từ Đông hạ truyền bá bốn Bộ, Luật bốn, đều có soạn nghĩa số, khéo tự hội các điểm đồng khác. Vào đời hưng thịnh của nhà Tề, chúng tăng học luật đang vụt khởi cùng khắp. Chỉ một Bộ của Pháp Chánh mà mỗi người đều đua tranh dẫn trước. Văn Công soạn lời tựa mở đầu giềng mối quy mô. Các ngài Đàm Hy, Pháp Thượng san định những chỗ vụn vặt, còn Sư như sương buổi sáng, ngời chói đơn lẻ giữa các thiên, bẻ gãy lời đầu, lưu oai diệt sau, do đó trải qua bàn luận đối đáp chúng đều đuối lý, nên được lập phá nhiều nhà, có hơn trăm kế, đều chẳng ai dám đương đầu. Bấy giờ, vì Bành Hanh ấy ít Địch, nên gọi đó là Luật Hồ. Còn như xử đoán sự đồ phần nhiều theo văn cùng thương độ kết chánh, thêm nghĩa chột quy, bèn ban sắc thỉnh Sư nhậm chức Thượng tọa ở hai chùa Đại Trang Nghiêm và Thạch Quật. Đến đời Tùy mở vận, Vua lại ban sắc thỉnh Sư đảm nhận làm tự chủ chùa Đại Hưng Quốc ở Tinh Châu. Sư đã từng lên cương quản, khéo dẫn dắt đại chúng, mở mang sửa đổi chính sách trước, thật có nhiều ích lợi. Đến ngày hai mươi hai tháng sáu niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, Sư thị

tịch, thọ sáu mươi bốn tuổi. An táng ở phía Tây Tinh Thành, xây tháp thờ, Sư soạn luật số chỉ một bộ Luật Tứ Phần gần mười quyển, Thị Phi sao hai quyển hiện còn, ngoài ra các thứ khác đều lạc mất.

Sư có đệ tử là Sa-môn Đạo Hạnh, là người có khí cục trầm hòa, gần gũi truyền pháp từ thầy trao, khéo có cơ tỏ ngộ nêu dẫn, đàm thuật số chỉ chẳng rơi vào Quyết tông. Mỗi lúc đến giảng tan thân dẫn dắt đồ chúng đi nhiều quanh tháp Sư rất mực chí kính mà trở về. Và đến các tiết Xuân thu theo lệ thường tu. Năm nay Sư đã ngoài tám mươi tuổi mà vẫn còn phô bày số chỉ, trích nêu các điểm trắc ẩn khúc mắc.

Bấy giờ, lại có Sa-môn Đạo Kham vốn học từ ngài Pháp Nguyên, nắm giữ giáo lý để hành trì, học tập rất giỏi, thành tiến tâm ban đầu, trì giới rất trang nghiêm, người đương thời ngợi khen, nhưng Sư vốn chuộng sự trang nghiêm, vâng theo Văn Tông. Vừa mới có trái nghịch, liền chẳng tham dự lệ thuộc, cho nên Sư thuyết giới tự dẫn có nói. Với người xưng bạch đã không có chánh chế, gọi đó là phi pháp. Tuy mới theo chúng bạn, sau hẳn trọng bày, Sư mới ra khỏi thành kiết giới, lại thuyết Bốn mới, đó cũng là nghiêm lệnh cứng rắn rất là khắc tước, chưa phải thông thường. Nên đến nay Quận ấy vẫn còn nhiều vương mắc.

8- Truyện ngài Thích Linh Tạng trụ chùa Đại Hưng Thiện ở kinh đô:

Thích Linh Tạng, họ Vương, người ở xứ Tân Phong thuộc Ung Châu. Chưa tới tuổi đến trường mà chí khí Sư mền mộ cao xa, nương theo Hòa-thượng Luật sư Dĩnh mà xuất gia.

Sư tiếp thừa vâng theo xuất yếu, khéo thấu đạt Trì Phạm. Chỉ một bộ Luật Tăng Kỳ mà được người đời tôn xưng là đứng đầu. Với Luận Đại Trí Độ, giảng giải không thiếu sót, khéo chuộng xung hư, kiêm sùng cương vụ. Bấy giờ, gặp lúc đầu thời Bắc Chu, Phật Pháp hoàn toàn hưng thịnh. Nước nhà thường năm có rộng độ Tăng Ni. Vì Sư có sự nhận biết thấu suốt sâu xa, cân nhắc phẩm tiết hạnh nghiệp, hoặc giảng hoặc tụng, phẩm bộ rất nhiều. Hễ chỗ nào có Văn nghĩa thì thì không gì chẳng soi xét đến cùng. Bấy giờ, cùng mọi người lường xét, thông kinh hiểu ý thì Sư là bậc nhất. Bốn Sư của Sư vốn là chung Hoa vọng, rất được Vua Thái Tổ (Văn Đế - Dương Khiêm 581-605) đời Tùy kính trọng. Đạo nghĩa thấm hợp, được mất hợp nhau. Sư cùng vua Cao Tổ từ thuở mặc áo vải bố kết bạn thật quen thân. Đến lúc Vua lên ngôi mới càng kết sâu thành thực. Lễ nhượng kính chuộng sáng giá triều tể. Khi vua dời đô đến Nam Phụ, giao cho Sư tìm chọn địa thế tốt mà xây dựng

Quốc Tự. Sư được Triều tể kính trọng, là chỗ Phật pháp nương nhờ, mới chọn đường trong Kinh đô chẳng gần chẳng xa, ở phía trái đường ngã tư thuộc phường Tuân Thiện mà xây dựng chùa. Nay chính là chùa Đại Hưng Thiện.

Từ đó về sau, Trung sử chất chồng, lễ gặp càng lớn, Hậu vị tốt lành ít có, thậm dùng xe kiệu đưa đón. Vua coi người kế tiếp nối nhau cùng đến. Vua lại ban sắc cho Tả Hữu Bộc Xạ cứ hai ngày một lần đến tham dự, đến để trấn giữ, cùng hỏi han mà trở về. Bấy giờ, giềng mỗi giáo điển mới bày, các bậc danh đức nhóm họp đều tỏ bày tiếng tăm chẳng ai dám tranh hùng. Cung cấm giữ nghiêm, qua lại khó khăn. Nhà vua cuối cùng phải thấy từng thiếu sót trong những buổi châu yết, bèn ban sắc ở các cửa khỏi cần phải xét giấy, mặc tình Sư qua lại. Và nơi nội cấm, Sư và Vua ngồi cùng giường, đi cùng chung kiệu, coi sóc việc nước, hợp với trời xét, có lúc Sư ở lại qua đêm, bèn ngủ nơi Tẩm điện. Mọi tổn phí cúng dâng ban tặng đều không đua tranh.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ tư (584) đời Tùy, nơi Quyết Phủ hạn hán. Vua dẫn dân chúng đến cung cấp ở Lạc Châu, ban sắc thỉnh Sư đồng đi cùng thông Thánh hóa. Khi đã đến nơi, mọi người quy đầu rất đông. Vua nghe thế, bảo rằng: “Đệ tử là Thiên tử tục nhân, Luật Sư là Thiên Tử Đạo nhân. Nếu có người nào ưa thích lừa tục, thì mặc tình thầy (Linh Tạng) độ cho họ!” Sư bèn y cứ đó mà độ người xuất gia, trước sau có đến mấy vạn. Về sau đem việc ấy tấu trình, Vua rất vui mừng bảo: “Luật sư độ người làm việc lành, Đệ tử cấm người làm điều ác, nói tuy có khác mà ý thì chẳng khác!” Đến khi bắt đầu công việc Phiên dịch kinh điển dưới đời Tùy, các vị thắng duyên nhóm họp. Sư dẫn thân làm khuôn phép trước chúng, lãnh trách nhiệm đối với chùa, cương chánh rất nổi tiếng.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ sáu (586) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi tám tuổi. An táng tại Nam Giao.

9- *Truyện ngài Thích Thông U trụ chùa Diên Hưng ở Tây*

Kinh:

Thích Thông U, họ Triệu, người ở xứ Bồ Phản thuộc Hà Đông. Đang tuổi còn nhỏ mà Sư đã xa đời, sớm mến mộ Huyền Phong, qua khỏi tuổi hai mươi Sư mới dự vào hàng tăng chúng, tâm tánh thuần trinh, khổ tiết, nóng lạnh chẳng thiếu sót. Sư đi tìm thầy hỏi Đạo trải qua lắm hiểm nguy mà không hề thay đổi. Gặp lúc nhà Bắc Chu và Bắc Tề xâm lấn lẫn nhau, Sư bèn xa đến Giang Cao, gá Nghiệp ở Kim Lăng, hơi khí trong lành chợt xa.

Mãi đến lúc nhà Tùy mở vận, Sư về lại Vị âm, được nhuần Pháp Vị, an vui thuở bình sinh. Tiết tháo nghi hạnh của Sư phân rõ dung chỉ. Còn như mở mang khai bày giáo pháp thì Sư lấy Tỳ-ni để xướng đầu, còn điều phục chế ngự tâm thần thì dùng Tam-muội để đến. Nên hai Tạng Giới, Định Sư đều chứa nhóm trong lòng. Cửa học lại mở thoáng, xa gần mọi người đều nhóm họp. Về sau, Sư đảm nhận chùa Diên Hưng. Bấy giờ chùa mới bắt đầu xây dựng, đất cây ngói đá người thợ đồng cữ, mà mọi sự kết quy về Thiên tạo, hình mạng chưa đấm chìm, tùy chỗ vận làm, không gì chẳng mất hết. Sư có được giới đức kết chặt bên trong, đức nhân thấm đượm rộng ra bên ngoài. Sư làm bốn cái giếng lớn, mỗi nơi đều đặt vật dụng lọc nước, hễ chỗ nào thi hành sử dụng, thì Sư đều đích thân đến xem xét rõ ràng, rảo cùng trăm người thợ, sớm tối Sư không nhàm mỏi, đều xem xét để côn trùng được bảo tồn tánh mạng. Cho nên chỉ có chùa Diên Hưng riêng khỏi hình tàn. Ngoài ra mọi sự tạo dựng kết cấu khó lại được tiếp nối. Sư nghiêm khiết chính mình, tự cố gắng, chẳng nương cậy vào ai. Mỗi lúc muốn mở kinh thì rửa tay đến cổ tay ngang khủy tay, sau đó theo thường sạch, nâng kinh đối mắt, cánh tay không duỗi xuống. Phòng nhà chỗ kín, không hề khạc nhổ, đàm dãi nuốt trở vào chẳng nhổ trong chùa. Tiện lợi tẩy tịnh cho đến trọn đời. Lại thuở bình sinh, Sư chẳng từng dùng khăn bịt đầu, tay ướt thì để nó tự khô. Ba pháp y thì đắp chồng trên mình. Tự mang theo đạo cụ bên ngoài để dùng lúc cần thiết. Sư thường tự than rằng: “Sống không công phu tu tạo một chút điều lành, chết chẳng bù được mảy may khổ lụy! Đối mang linh thần, sao lầm lẫn như thế?” Sư răn dạy đệ tử rằng: “Sau khi tôi biến đổi sự thường, mong đem thân tàn này bố thí cho các loài cầm thú, ngô hầu nhờ được chút phước, mong diệt dư ương!”

Bỗng nhiên đến ngày mười lăm tháng giêng niên hiệu Đại Nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, Sư an nhiên ngồi thẳng thị tịch tại phòng ở chùa Diên Hưng, thọ năm mươi bảy tuổi. Các đệ tử v.v... theo chí nguyện trước của Sư, bèn rước nhục thân Sư đến tôn trí nơi ngọn núi phía trước chùa Chí Tướng thuộc núi Chung Nam. Về sau thiêu đốt di cốt còn lại và xây tháp thờ. Đến nay hiện còn.

10- Truyện ngài Thích Đạo Thành trụ chùa Phụng Thành ở Tương Châu:

Thích Đạo Thành tự là Minh Phạm, họ Đào, người ở xứ Đôn Dương. Cha của Sư tên là Đản, làm Chiêu Viễn Tướng Quân Vĩnh Gia Thái Thú đời Tề, lại làm Trinh oai Tướng quân Thượng Ngô lệnh đời

Lương.

Sư xuất gia nhập đạo từ thưở thiếu thời tại chùa Sùng Huyền ở Vĩnh Gia, làm đệ tử Pháp sư Thức. Nghi mạo Sư khôi ngô, dáng dấp nổi bật giữa chúng tăng, trong các bạn ngang hàng đều chăm chú gọi Sư là Thần đồng. Sau khi thọ giới Cụ túc, Sư học vượt hơn chúng bạn.

Khoảng đầu niên hiệu Đại Đồng (535) thời Nam Lương, Sư đi đến Kinh Liễn, thọ học với Đại Luật Đô sa-môn Thích Trí Văn ở chùa Phụng Thành. Với Luật Thập tụng, Sư mới nghe qua hai biến, hơn một năm vẫn chưa lập trường giảng riêng để mở giảng diên. Số Luận, Tỳ-đàm chỉ mới nhuốm thân, Sư bèn tỏ ngộ, không cần gia công gấp bội, nghe một biết mười, do đó các bậc lão túc kỳ đức ở kinh áp đều gọi Sư là “Hậu sinh khả úy” (Người sinh sau đáng sợ). Sư giảng các kinh luật như Luật Thập tụng, Giới Bồ-tát, Kinh Đại Phẩm, Pháp Hoa, v.v... tất cả một trăm bốn mươi biến. Sư lại giảng Kinh Quán Âm một ngày ba biến. Sư soạn “Luật Đại Bản Yết-ma Chư Kinh sơ” ba mươi bốn quyển. Còn như cây ý hoa Tâm thêm rực rỡ như ánh sáng sớm mai, ngài phân tích nghĩa lý chất đối nghi ngờ, khiến người nghe quên cả mỗi mệt.

Có các học sĩ Sa-môn Tuệ Tạng, Pháp Tường, v.v... đều là những bậc du phương giảng nói, xoay bánh xe chánh pháp, truyền bá tỏa ánh sáng ấy, làm lợi ích rộng nhiều. Sư ăn dùng thô sơ trong sạch, tự nghiêm khiết chính mình, tâm ở trong hạt châu giới, thần giải nghiêm minh, thiền sâu tại niệm, thêm gồm sáu thời chí thành lễ sám, vào ba ngày rảnh thì tìm tòi nghiên cứu kinh sử, muốn cho hiểu biết nên không gì chẳng làm. Nhưng tánh Sư thường dụng an tường, oai nghi hợp độ, người trời mô phỏng theo, ít người được như vậy. Sư nói năng mềm dịu từ ái, chẳng hề trái tâm chúng sinh. Sau, Sư thị hiện tướng bệnh hơn một tuần mà vẫn còn kéo dài sự giảng diển.

Đến ngày mồng năm tháng năm niên hiệu Khai Hoàng thứ mười chín (599) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Hưng Nghiêm, thọ sáu mươi tám tuổi. Lúc sắp tịch, Sư chỉ xưng niệm danh hiệu Phật, các chi tiết vẫn mềm ấm, chấp tay rõ ràng. Đến ngày mồng tám tháng đó, đón rước an táng tại núi phía nam chùa Phụng Thành. Văn bia nơi tháp mộ Sư là do sa-môn Tuệ Tạng ở chùa Cao Tọa soạn.

11- Truyện ngài Thích Hồng Tuân trụ chùa Đại Hưng Thiện ở Tây Kinh:

Thích Hồng Tuân, họ Thời, người ở xứ Tương Châu. Năm tám tuổi, Sư xuất gia, nương theo thầy thỉnh nghiệp, tiếng tốt vang xa.

Đến lúc thọ giới cụ túc về sau, Sư chuyên học Luật bộ, tâm sinh kính trọng. Bên trong Sư tự suy nghĩ rằng: “Nền tảng xuất gia là ở giới luật, trụ trì muôn năm đầy đủ ở di giáo! Xét chẳng luống dối”. Sư bèn giã từ thầy bạn, đi các nơi học tập. Sư đi qua Tương kinh, xét hỏi nghĩa sâu, nếu có điều chưa hiểu, Sư quyết hỏi cho thông, sắp tròn ba mùa hạ bèn thấu suốt Đại Chỉ. Ban đầu, Sư đến trụ chùa Thiếu Lâm ở Tung cao, nương tựa Vân Công, khai mở cốt yếu Luật học, cho đến Kinh Hoa Nghiêm, luận Đại Trí Độ, trước sau tham học nghe giảng và đều mở được cửa nẻo, vỡ tan sáng tỏ. Nhân Luật sư Đàm Huy đang truyền bá Luật Tứ Phần ở Nghiệp Hạ, Sư bèn đến đó nương theo. Thính chúng tại đó có năm trăm vị đều là những bậc khéo giỏi tự thông, đáp giảng lập luận hoàn toàn không ai bằng. Ngài Đàm Huy thật là bậc Luật học nổi tiếng nên trí đặt ở trước. Sư cố hiểu thấu thời luân, hoàn toàn chẳng vì quanh co riêng ở tâm lự. Về sau nhân vì nhóm họp đông nhiều các hàng Dị học chật cả sân nhà, Sư bèn thúc buộc ngài Đàm Huy soạn luật số. Sư bưng vào trong giảng đường thưa rằng: “Cúi mong có ngày, đều chưa thấy biết!” Thế là thầy trò cả hai đều mất, Sư dám đem văn số kính ngưỡng đến, liền đặt lên tòa qua lại. chỗ Vân Công đã phó chúc xả kiến lại giảng. Ngài Đàm Huy liền bảo Sư lên tòa đáp thuật. Sư nhả nạp mảy may ẩn kính, chúng đều kính ngưỡng như núi. Từ đó Sư luôn đứng thời kết nhóm đồ chúng giảng trao tất nghiệp. Vì bên giới luật nghĩa có hiểu bộ khác, Sư mới nghe lại Luận Đại Trí Độ, Tỳ-đàm, mở chỉ chỗ sâu mâu. Lại vì tâm sai sử chưa an tịnh, Sư lại đến các thiền lâm, thọ học pháp điều Tâm. Năm đã qua mười hạ Sư mới quay về với Luật tông. Mọi người khắp bốn phương vọng trông Đạo phong của Sư nên kéo đến giảng đường đông đầy cả ngàn vị, bấy giờ rất vẻ vang rộng lớn!

Tề Chúa đã mở thoảng pháp môn, ban lời tiếp thừa phó chúc, trong năm chúng xuất gia nếu có người bị rơi phạm vào giềng lưới Hiến Chương, thì Sư đều y cứ Nội luật mà sửa trị. Do Sư có sở học tiếng tăm sớm vang khắp, nên được trao làm chức Đoán sự Sa-môn. Bấy giờ, các chúng thanh tề thường xuyên tranh chấp, trải qua thời gian lâu, bèn thấu đến tai Vua. Và không thể làm cách nào để chấm dứt sự kiện tụng ấy, Vua bèn ban sắc thỉnh Sư đến. Sư bèn dùng Pháp hoà hợp để dẫn dụ, dùng luật khoa để nghiêm trừng, quanh cảm vật tình, nhiều việc tranh chấp tự dứt. Do đó càng thêm tốt đẹp ở đương thời. Các hàng Đạo bạn thấy đều vui mừng. Đến cuối đời Tề, tiếng tăm Sư càng vang xa, mà Sư chẳng kết giao với các hàng phi loại, chỉ cùng Đạo đồng vết. Các bậc Danh Nho Đại đức trông thấy liền kính mến nương theo. Sư thường cùng

các bậc Danh tăng như sa-môn Tuệ Viễn, v.v... suốt đêm bàn luận. Gặp lúc nhà Bắc Chu đánh chiếm Bắc Tề, Sư ẩn lánh vào núi Bạch Lộc. Đến niên hiệu Tuyên Chính (578-579) thời bắc Chu, sư tìm cất nhắc, Sư bị đề cử đến ở Tung nhạc. Đức hạnh Sư cao vời vợi, chúng lại kéo đến tựa nương.

Đến thời nhà Tùy mở mang Định Pháp, chiêu vời Hiền giả khắp bốn phương. Niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc tìm mời Sư đến kinh quyết, cùng năm vị Đại đức đồng một lúc diện kiến nhà vua. Sư đặc biệt nhờ công lao, Vua dẫn đến trụ chùa Hưng Thiện, cùng với mười vị đệ tử, cúng dường bốn thứ cần dùng. Trong niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (591) đời Tùy, Vua lại ban sắc thỉnh Sư cùng sa-môn người Thiên Trúc đồng phiên dịch Phạm Văn. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) đời Tùy, vua lại ban sắc thỉnh Sư làm Giảng Luật Chúng Chủ. Sư đến chùa Sùng Kính nhóm họp đồ chúng lập thành đạo nghiệp. Trước kia tại Quan nội vốn tu theo Luật Tăng-kỳ, tập tục bình sinh thường ghét nghe dị học, bỗng nhiên Sư giảng Luật Tứ Phần, người nghe ít có. Trở lại Đông Xuyên khen ngợi thành việc chuyên. Sư muốn lưu bố pháp vị rộng khắp, lý đảm nhiệm quyền cơ, nên Sư sáng thì giảng Kinh Pháp Hoa, chiều thì tuyên dương Pháp Chánh. Lại vì nghe kinh thì nói là thông luật, thường dùng lửa ngời sáng dẫn đạt đến nương cây Tông. Khai giảng mở dẫn dắt Luật Tứ Phần chỉ có mình Sư mà thôi. Nên đến nay bộ Luật Tăng-kỳ dứt bật xương giảng! Sư là người hình nghi nho nhã, động thì y cứ vào hiện du, mà thần biện như suối chảy, âm thanh tựa chuông trống. Dự lên pháp vị ít có mờ tối, công lao khai ngộ thật khó có người tiếp nối!

Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Vua Văn Đế ban sắc cho Sư đón rước Xá-lợi đến chùa Phước Tự ở Vệ Châu. Sắp ra chỉ bày cho chúng, Xá-lợi phát ra hai lần ánh sáng hồng đỏ soi chiếu khắp xa gần, rục loá cả mắt người. Các hàng tăng tục đồng trông thấy rất sinh tâm vui mừng. Niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Vua Văn Đế lại ban sắc rằng: “Trẫm vâng nhận Triệu mạng võ về nuôi dưỡng muôn dân. Sa-môn Hồng Tuân kính vâng Thánh giáo trùng hưng Tượng pháp, Đức Như Lai đại từ chở che các loài, cảm hiện Xá-lợi khai mở dẫn dắt chúng sinh. Trẫm đã phân bố xa gần đều xây tháp, trong đó, các châu còn có nơi chưa đến, nay lại thỉnh Đại đức đón rước Xá-lợi từng châu một, y như trước mà xây tháp. Các vị tăng được thỉnh hẳn là những vị đức hạnh đáng tôn kính, khéo thông hiểu Pháp tướng, để có thể tấu trình. Phải cùng tất cả muôn dân đồng cầu Phước nghiệp!” Sư bèn tìm

cử những vị danh giải để tiếp thừa mạng lệnh của Vua. Khi đã nhóm họp đến, vua lại ban sắc rằng: “Hơn ba mươi châu, đồng một lúc đón rước Xá-lợi đến tôn thờ”. Sư lại vâng mạng làm sứ đến Bắc Châu xây tháp. Lúc đầu, vừa đến phía Tây của châu, có đàn hạc trắng khoảng mấy mươi con đến bay liệng vài vòng ở phía trên kiệu, giây lâu mới bay đi. Và khi đến chỗ thiết đặt Linh tháp tại chùa Long Thánh ở phía Đông Thành, ban đêm có mấy mươi tia sáng màu trắng, mỗi vầng như trục xe trụ hiện trên nền. Bên cạnh trên cây có ổ chim và khi ánh sáng chợt phát ra soi suốt thì đàn chim kinh hãi bay tán loạn. Lại mưa hoa bạc, khắp mặt đất sáng ngời như tuyết. Đào bới nền móng sâu xuống năm thước có được khoảng nửa thặng thóc. Ban đêm có tám mươi bốn vị thần tiên giáng xuống cầm hoa đi nhiều quanh tháp, giây lâu mới biến mất. Lại có một cô gái họ Lý, bị mù mắt hơn hai mươi năm đến lễ bái, bỗng nhiên hai mắt đều thấy trở lại. Sau, cũng đang trong đêm, Sư hành đạo lại phát ra ánh sáng màu đỏ soi chiếu ở phòng phía Đông chùa, thấy có tôn tượng Đức Phật đang nằm, và tôn tượng đức Phật đang ngồi nói Pháp. Lại thấy có vị Phạm tăng đối trước giá tụng đọc kinh. Kinh chỉ có mười bốn chữ toàn bằng chữ Phạm, mọi người lúc ấy đều chẳng biết. Đến ngày mồng tám tháng bốn đang lúc tôn trí Xá-lợi hạ xuống linh tháp thì cảm có đàn ong đen nhiều vô số ngậm hương bay nhiều quanh tháp, hơi khí kết tụ thoảng xông chẳng đồng như ở nhân gian. Lại thấy có hoa sen màu trắng ở bốn góc tháp cao mấy trăm trượng, hoa lá phân bố rũ xuống giữa hư không. Xen lẫn trong đó, hoa sen năm màu đầy khắp bên trong. Lại thấy người trời đốt hương đi nhiều vòng quanh theo phía trái tháp. Khi ấy mọi người đều nhóm họp mà ngắm nhìn và đều ngợi khen chưa từng có, cũng có người chăm chú nhìn mà chẳng thấy, chẳng phải một, hai. Đến lúc hạ và lấp bít xong, các tướng đều biến mất.

Sư ở nơi kinh ấp khai giảng luật nghi nổi tiếng trùm cả người xưa. Việc truyền bá tiếp nối huyền tông về sau bị khuyết. Sư lại có soạn “Đại Thuần Sao” năm quyển, dùng để chung cho Luật điển. Sau đó, vua lại ban sắc cho Sư trông coi đảm nhiệm việc chùa. Sư giúp đỡ hài hòa giữa tăng chúng, rất tỏ sáng dấu vết. Đến ngày mười chín tháng năm niên hiệu Đại nghiệp thứ tư (608) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Hưng thiện, thọ bảy mươi chín tuổi.

Đầu đời Tùy (581) còn có các Sa-môn Đạo Hồng, Pháp Thắng, Hồng Uyển v.v... đều nhờ Luật học mà nổi tiếng. Ngài Đạo Hồng y cứ ở Tương Châu mà nổi đời Ngài Thông Vân, dung mạo Sư trầm lắng trang

nghiêm, giảng nói rất có oai nghi, học chúng có đến bảy trăm vị, chóng trình hoàng lượng, cho nên các bậc tài giỏi về kinh luận sắp muốn dẫn dắt ở đời đều dừng ở nơi trường giảng của Sư để xem phong cách, tham cứu khuôn phép. Ngài Pháp Thắng trải qua nhiều công phu, mà ngôn hạnh không xứng hợp, thần chí cao vượt, nên mọi người đương thời cùng ngậm suy tôn. Chỉ vì thân lệnh Sư chưa rộng, nên thỉnh chúng giảm lược. Còn ngài Hồng Uyên tập học tiếp thừa thống hóa của ngài Hồng Tuân, trùm khắp cùng Trung Sơn. Dàn trải giềng mối rất có tiếng tăm ở Châu U, Châu Ký. Vì niên đại chẳng xa nên không lường biết về sau các ngài như thế nào.

12- Truyện ngài Thích Giác Lãng trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh:

Thích Giác Lãng, chẳng rõ Sư họ họ gì, người ở xứ Hà Đông. Sư trụ chùa Đại Hưng Thiện, thông hiểu Luật Tứ Phần và Kinh Đại Niết-bàn, khí cốt Sư trội vượt hơn người, hình tướng cảm động đến tâm chúng sinh. Sư đến khắp các hang cùng ngõ hẻm, ít nơi đâu chẳng đoái hoài nghĩ nhớ.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc cho Sư đón rước xá-lợi đến chùa Giác Thành ở Ráng Châu. Mới đầu, đến nơi, sắp mở bày cho các hàng tăng tục xem, bỗng nhiên tuôn vọt ra khỏi bình vàng chia thành bảy phần, ánh sáng soi suốt bên ngoài. Đào xuyên xuống nền móng hai trượng, có được nửa thặng thóc. Lại cảm có một con chim sẻ màu vàng bay gần sát nơi người mà không tỏ vẻ khiếp sợ, chỉ nhiễu quanh Phật đường, lâu sau mới biến mất. Lại nơi hòm đá đậy ở trên thấy có vị Bồ-tát ngồi trên tòa báu, trước mặt có một vị ni chấp tay cung kính. Hoặc thấy tiên bay cùng ba con chim sẻ màu vàng, và có cả lân phụng, song thọ v.v... các thứ hình tượng. Trước lúc sắp đặt Xá-lợi ba ngày thường phát ra ánh sáng, đến nỗi không còn nhận biết đêm ngày, ánh sáng sáng hơn cả đèn đuốc. Có người đóng kín cửa phòng, tắt hết đèn đuốc mà ánh sáng vẫn tỏa chiếu, hơn hẳn cả nơi tối tăm bị cản trở. Huyền tố thông cảm rất đổi vui mừng. Sư bèn soạn biểu văn tấu trình đầy đủ, có nói rộng như ở Biệt truyện. Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (...617) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) ban sắc thỉnh Sư trông coi làm tự chủ chùa Đại Thiên Định. Sư trấn yểm hào hoành, an nhiên hưởng về phong hóa, dần dần được thấm đạo mâu, mọi người rất kính trọng. Sau đó không bao lâu, Sư thị tịch tại chùa.

Bấy giờ, có sa-môn Hải Tạng là bậc thức tín bền chắc, kính ngưỡng luật ty. Sư thường giảng Luật Tứ Phần, ít có người truyền nối. Đến thời Tiền Đường, đặt ra mười vị Đại đức, Sư là một trong những vị đó! Lại có Luật sư Pháp Thương, vốn ở chùa Tĩnh Pháp, sau cùng vì nhàm chán mọi sự phiền toái ngang trái, Sư bèn đi về hướng Nam, đến gá ẩn tại chùa Thái Hóa. Sư ở nơi chỗ sâu vắng dưỡng chí, không đặt mình trong tăng chúng. Một mình riêng lẻ đi lại nơi núi rừng cao hiểm, an nghỉ giữa rừng thông, chỉ ăn dùng bánh bột vào mỗi ngày lúc giữa trưa, đặt tâm trong duy thức. Sư cũng là Bạc Khai Sĩ tao nhã. Sau khi thị tịch, nhục thân Sư để lộ bày cạnh núi, ban đêm có ánh đèn soi sáng, các hàng tăng tục đến xem thì không thấy đèn đuốc đâu cả, nhưng nhìn từ xa thì lại thấy, trải qua hai tháng mà ánh sáng càng soi tỏ gấp bội.

13- Truyện ngài Thích Tuệ Chủ trụ chùa Hương Lâm ở Thi Châu:

Thích Tuệ Chủ, họ Giả, người ở huyện Vĩnh Quy thuộc Thi Châu. Năm sáu tuổi, Sư xuất gia làm đệ tử Pháp Sư Ân. Sau, Pháp sư Ân bảo Sư tụng đọc Kinh Di Giáo chỉ một đêm bèn độ. Vì kinh nghiệm thầy có lắm trái vượt, nên Sư bèn rời thầy, đến chỗ Luật sư Khương, đọc tụng Kinh Pháp Hoa. Luật sư Khương ở trong phòng phía Đông chùa, giảng giải luật pháp thế tục, Sư thử nghe qua một biến mà trong tánh thức dường như đã từng nghe, mới hỏi về Thập Quan (mười điều liên hệ nhau) mà không ai có khả năng giải thích. từ các hàng Thứ sử trở xuống, cùng các hàng tăng tục trong cả châu đều đến thưa hỏi, không ai chẳng quy hướng kính phục.

Tại Thi Châu có một bộ Tổ Tông Đạo chúng, tức là Luật chủ trong châu thọ giới Bồ-tát. Đã vậy còn bắt buộc tôn Phật làm thầy. Trời còn chẳng kính huống gì bái lễ Thần đạo. Từ đó Phật Pháp mới được mở rộng. Ở huyện Hoàng An xây dựng bảy ngôi chùa, ở huyện Tử Đồng xây dựng mười ngôi chùa, ở huyện Võ Liên xây dựng ba ngôi chùa. Từ đó đến nay vẫn hưng thịnh.

Mới đầu, khi Sư đủ hai mươi tuổi, muốn thọ giới cụ túc nhưng ở vùng ấy không có người. Sư bèn vào kinh đô chọn mời các vị danh đức ở chùa Cam Lộ để thọ giới, chỉ nghe Luật Tứ Phần, các nghĩa khác liền thông. Sư mộng thấy suốt ba ngày ba đêm đất trời mờ tối, chúng sinh không có mắt mũi, qua khỏi thời gian ấy mắt mũi trở lại sáng sạch. Khi tỉnh giấc thì mồ hôi tuôn đổ. Sau đó trăm ngày thì nhà Bắc Chu phá hủy Kinh Đạo, mới biết điềm ứng hiện, Sư bèn trở về quê cũ ẩn cư tại Nam Sơn, chỉ ăn dùng lá thông. Các loài cầm thú khác nhau cùng nhóm họp

không tiếng ồn náo. Hoặc có thần núi dâng các thứ hương Phục linh, Cam tùng. Được sự cúng dường ấy, Sư ngày đêm sáu thời hành đạo. Các loài cầm thú cũng tập thực hành theo lễ Phật tụng kinh, tựa như Thính chúng. Sư bèn vì các loài u hiển mà cho thợ giới Bồ-tát. Sau, có đàn khỉ vượn cùng nhau sửa đường. Sư bảo: “Tánh các người lằng xằng, làm việc ấy sao được?” Đáp rằng: “Thời vua đã khác, mặt trời Phật chiếu khắp!” Ngài rất lấy làm lạ về lời nói ấy. Sau đó, lại có các điểu lành khác, rồng bay thú loại nhóm họp, hơi khí thơm tho lan tỏa khắp núi, các loại như thế có rất nhiều. Sau đó, có tám người nhật mang cung gỗ, Sư rất lấy làm kinh hãi. Họ bèn an ủi Sư rằng: “Thánh Quân ra đời!” Bấy giờ là niên hiệu “Khai Hoàng”. Sư liền xuống núi, tấu trình sự việc ấy, được dự phần xuất gia.

Vào niên hiệu Đại nghiệp (605-617) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) ban sắc cho Sư về trụ chùa Hương Lâm ở Bồn Châu. Ngài thường giảng Luật Tứ Phần là chính.

Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Lăng Dương Công đến Ích Châu, vốn là người ít có tín tâm, đem hơn trăm con Lạc Đà và các vật đến Thi Châu, bảo đặt vào trong chùa, giảng đường, điện Phật, Tăng phòng. Không người nào dám chống trái. Sư từ trang trại trở về, trông thấy các thứ uestap ấy, liền vào trong phòng mang lấy Tích trượng, ba pháp y, bước ra mà than rằng: “Chết sống là hôm nay!” Sư đưa tích trượng hướng về đàn lửa, tất cả đồng một lúc té ngã như chết, hai tay Sư mỗi tay nắm lấy một con lạc đà ném xuống hố. Quan dân khắp cả châu huyện đều kinh sợ, viết trạng văn tấu trình cùng Lăng Dương. Sư cười lớn không chút quái lạ. Lăng Dương gửi thư đến Sư rằng: “Đệ tử thường bị bệnh, không gặp hại quý, được Luật sư phá hủy đây san tham, được lợi rất lớn. Nay gửi mười cân trầm hương, mười tấm lụa mỏng đến dâng tặng!”. Sau ngày về lại kinh đô, bèn theo Sư thọ giới Bồ-tát.

Đến niên hiệu Trinh quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, trong chùa có Thiền sư Minh là người trong sạch cao trội khác chúng. Giữa ban ngày ngồi một mình mà thấy không có nửa thân, bèn kể cho chúng nghe rằng: “Tôi và Luật sư (Tuệ Chủ) xây dựng chùa này, hai người đồng tâm, bỗng mất nửa thân, e là Luật sư đi trước, nếu không thì Minh tôi chết ư?” Hôm sau vào giờ ăn, người thế tục đều kinh hãi bảo rằng: “Nhà chùa thiết hội gì thế? Thấy khắp đường ngã tư, khách tăng có mấy ngàn người cùng đi vào chùa, sao giờ không thấy đâu cả?” Sau đó, đến giờ Ngọ, Sư không bệnh gì mà thị tịch, thọ tám mươi chín tuổi.

14- Truyện ngài Thích Trí Bảo trụ chùa Thắng Quang ở Kinh đô:

Thích Trí Bảo, người ở xứ Hà Đông. Sư nhập đạo từ thuở nhỏ, có tâm thanh tịnh, tánh tình thẳng thắn chẳng theo vết lưu tục. Từ lúc tấn đàn thọ giới cụ túc về sau, Sư luôn giữ chánh nghiệp giới cấm, luôn sống tiết chế, vượt trội đồng bạn, rộng nghe dị giải, rèn luyện tâm thân. Văn từ ý chỉ phết lập xem cũng như trong lòng bàn tay. Do đó, Luật bộ được trùm xa thật chính là nhờ Sư. Nên dung nhiếp được tự tha, nói làm cùng giữ. Còn như lưu lược phần tố thì rất được tông ấy. Đàm đối Huyền Nho, chẳng sau thuật ấy, tài khéo bút ký bấy giờ làm sáng tỏ nghĩa lớn, duyên theo tình lưu sắc, nối tiếp Anh hoa.

Ban đầu, Sư trụ chùa Thắng Quang, sau đến trụ chùa Thiền Định. Nước nhà cúng cấp sung túc, thọ dụng rất thiếu. Do đó những bậc Danh tăng Đại đức ngày càng tỏ bày hình khí, nhờ chuẩn định thân giải, hãy dùng lời truyền, còn như ăn mặc mọi thứ tư cầu chưa thể bỏ đi. Tăng chúng có bốn trăm vị đồng thọ thực trong một trai đường, rau mới quả dưa phần nhiều chọn lựa thứ thơm ngọt, Sư cúi xuống ngửa tay y theo pháp mà thọ nhận đó, dù được đắng hay ngọt, đều ăn và để lại hột sợ thương tổn các tướng. Do biết Pháp nên ít nghi chưa xem xét kỹ. Sư biết lượng kính giữ đại khái đều như vậy.

Sau, Sư về lại chùa Thắng Quang, gấn trao dồi đạo Nghiệp càng cao. Vườn rau tưới rưới nước, sinh nhiều loài trùng nhỏ nhiệm. Người trị tuế nhìn lên cao chỉ luận xong việc. Sư nghĩ tưởng các loài ấy vốn vô tội, lại bị sát hại, bèn đích thân Sư cầm vật dụng dây lọc đưa đến nơi mới về. Nơi chùa có các loại cỏ vật có thể dùng cho chúng tăng, Sư đều hái nhặt nhóm họp rồi tự thân đưa xuống nhà bếp sử dụng. Ngài có những hành vi như thế rất nhiều, chẳng thể nêu hết.

Đến cuối niên hiệu Võ Đức (627) thời Tiên Đường, Sư bị bệnh sắp tịch mà chánh khí trong sáng, bảo với người bạn đạo là Sa-môn Tuệ Mãn rằng: “Tôi sắp chết! Mà tinh thần không được siêu sinh là vì sao!” có người hỏi ý ấy. Sư đáp: “Xem ẩm tướng dường như vị thần giữ chùa”. Và chỉ đến điện Phật ở viện phía Tây, Sư bảo: “Tôi thường dùng pháp để lại đó, cuối cùng chẳng thể lia!” Nói xong Sư bèn thị tịch. Từ đó điện Vũ do Sư chỉ bày, ít người đến một mình. Lúc phải mở vào, không ai chẳng nổi óc khắp mình. Đến sau trăm ngày, có một bà lão trong tâm muốn mang rượu và thức ăn đến dâng chư tăng, vừa đi đến cổng chùa liền bị thần hại, thân ngã chết dưới đất các vật văng lia. Đó cũng là do sự nghiêm lệ gây nên, vì vậy tăng chúng đồng bạn của Sư rất kính sợ phong nghi ấy. Nếu có người tâm thô bỉ keo lận, đều khiếp sợ mà sửa

đổi chân chánh.

Từ lúc Sư nương vào đạo thì hơn hẳn các đồng bạn, mỗi ngày chỉ ăn một bữa để nuôi thân, tuy bị bệnh nặng mà chẳng biến đổi tiết tháo trước. Đêm chẳng ngủ nhà thế tục, thường ở chốn tăng phường. Nếu đi xa thì nương gá vào chốn hoang vắng, ba pháp y thường đủ, bình bát tự mang theo bên mình, chẳng cầm nắm vật thế tục, chẳng xem âm nhạc. Năm Bình sáu pháp thể chẳng để vướng vào thân. Lý hợp với bậc Cao tăng, nghe liền tìm đến. Nên mỗi ngày hai lần giảng Pháp đều mang bình bát theo, trang nghiêm mà thành phong cách, chẳng lụy ràng nơi giáo điển. Sư ở trong chúng mà thọ trai, chẳng hề chứa để, nước thừa thức ăn cặn bã còn lại, Sư đều dùng bánh vét lấy mà ăn, chỉ một giọt cũng không để sót lại, sợ tổn Phước bố thí nên như vậy. Sư từng gặp bị bệnh nặng, mỗi lúc ăn còn thừa lại một vài thìa thức ăn, Sư cất trong nhiều ngày có thể được cả một thăng, đích thân xem xét hâm nóng lại và bảo tịnh nhân ăn. Nếu có người hỏi về nguyên do, Sư đáp: “Thức ăn của chúng tăng khó bỏ, không được vọng xem thường!”.

Người viết truyện (Đạo Tuyên) chính mắt nghiệm xét cảnh hạnh của Sư lúc còn sống nên đặt bút ghi lại các việc hoằng hộ của Sư. Sư từng bị bệnh sốt rét, lạnh thì ngâm nước, nóng thì hơi lửa, khát nước thì vốc muối bit đầy miệng, bị bệnh lý thì bỏ ăn để hết bệnh. Những việc ấy rất nhiều.

15- Truyện ngài Thích Trí Sần trụ chùa Long Cư ở Ích Châu:

Thích Trí Sần tự là Tuệ Thành, họ Tứ, vốn người ở xứ Từ Châu, con của Pháp sư Huyền. Thuở thiếu thời, Sư thông minh rất có chí tiết. Đến học ở đất Thục, Sư rất siêng học về giới Luật. Gặp thời Bắc Chu phá diệt Phật giáo, Sư nhân có việc vào Quan nội không thành đạt sự mong cầu, bèn ẩn tại Nam Lãnh. Chung Nam, Thái Bạch, là nơi Sư thường đến.

Đến lúc nhà Tùy đổi thay vận mạng, mở sáng Chánh Pháp, mời các vị Thạc đức dẫn đầu chúng tăng. Sư bèn đến ở Trường An tuyên dương Luật tạng. Quan Tổng Quản Ích Châu là Thục Vương Tú tấu trình thỉnh Sư trở về đất Thục, Vương Tú tự ra đón rước Sư đến trụ chùa Pháp Tự. Các hàng tăng tục đều quy hướng kính ngưỡng. Chùa thiết trai hội lớn, không vị nào chẳng đến dự, sắp đến lúc thọ trai, Sư nắm gân mà hỏi Pháp Sư Huyền rằng: “Xứ này có hộ tịnh chăng?” Pháp sư Huyền bảo: “Vừa về chưa xem xét được”. Sư nghe nói không có hộ tịnh bèn ném sợi gân đứng dậy bảo: “Thà ăn thức ăn của người hàng thịt, còn

nước đồng sôi này làm sao mà ăn được?” Chư Tăng có đến mấy ngàn vị đồng một lúc tan rã. Ngài nghiêm ky đến như thế. Nên Sư ở trong chúng có khí độ tĩnh lặng, tánh không thọ thí, chẳng vọng liên can đến vật. Có Sa-môn Đạo Khôi là người hung hiểm, xa trông thấy Sư bèn trốn lánh. Có người hỏi rằng: “Trước giờ ông chẳng sợ một người nào, sao lại khiếp sợ Luật sư Đạo sẵn?” Đạo Khôi đáp: “Đó là Vua trong Phật Pháp, chẳng sợ sao được!” Người ấy lại bảo: “Dùng sức lực của ông thì có thể địch nổi cả trăm người như Luật sư Sẵn chứ?” Đạo Khôi đáp: “Dù cho địch nổi ngàn người, mà từ xa trông thấy Sư thì trăm mạch máu đã lặn, Tứ chi không cất nhắc nổi, làm sao địch lại được ư?” Về sau, vì người thỉnh cầu giới cấm mà hạnh cùng rầm rĩ nhiễu loạn, Sư từ giã vào ở chùa Long Cư, nương gá nơi sâu xa hiểm trở, vết tích chẳng thông, nếu có người thỉnh mời thì Sư viện cớ bệnh mà chối từ. Ý Sư muốn lên kiếm các mở rộng thoáng trong Tỉnh Lạc. Vương Tú gửi thư đến thỉnh Sư trở về vì nước nhà mà hoàng hóa, Sư bèn lược đáp rằng: “Sai sứ đến đây dùng lời thành thật, mở xem xoay vần một lời mà ba lần trở lại. vẫn trong nước lục, lý phá thu hào. Bần Đạo giới hạnh có nhiều khuyết sót, không có phương cách giáo hóa, gá thân trong hang hoang, hơn bốn mươi năm, quen với chim cá, vì tiêu phu ngâm ca, tập hành Thiên-na, tư duy Bát-nhã. Lấy đó đến hết năm chia lấp đây ngòi vực. Chẳng có tuổi già có may mắn, vận thuộc tốt lành sáng sửa. Cúi nghĩ Tướng Vương Điện hạ, đức trùm ba xưa, Đạo bày Trăm vua! Công thông tay mà trở về làng cũ, mặc áo gấm mà xoay lại ấp xưa. Trăm họ có hy vọng tái sinh, muôn vật khởi trông mong dừng nghỉ. Quân tử thượng lưu bưng ngọc lụa cùng đến, Trượng phu khảng khái duỗi can qua mà phục Đạo. Xưa kia, Trưởng Khanh trở về đất Thục nhọc chiếm Thanh Văn, Đặng Ngãi trước nay chưa thể xếp Võ Công thuộc giòng họ bậc nhất ở Hoa Dương, Gia đình tiếng tăm ở Lạc Tĩnh. Bưng mặt trời mà lên triều, ôm vàng đến hỏi Đạo. tất cả mọi người già trẻ ở Kiếm Nam đều đợi chờ sống lại. Há nương gió nhẹ, tự nhiên cỏ ngã theo. Nên khuyên các thủ lãnh nên vượt cảnh vực, tham dự đón rước!” Vương Tú được Thư của Sư liền chỉ bày cho tất cả Quân chúng, trước tiên làm lễ nói rằng: “Người vật tranh nhau quy hướng là do năng lực của Luật sư!”

Đến ngày mồng một tháng mười niên hiệu Võ Đức thứ nhất (618) thời Tiền Đường, Sư an nhiên thị tịch, thọ tám mươi tuổi.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
Quyển 22 hết.